

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021**

Mục lục

I. Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

II. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về Công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Thành tựu đã đạt được
4. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
5. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
6. Các rủi ro trong hoạt động

III. Định hướng phát triển Công ty

1. Phương hướng và những giá trị
2. Các mục tiêu chủ yếu của công ty
3. Các mục tiêu về phát triển bền vững

IV. Tình hình hoạt động trong năm 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
3. Tình hình tài chính
4. Tình hình nhân sự

V. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Phân tích tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

VI. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

VII. Định hướng phát triển 2022

1. Tổng quan về doanh nghiệp - Sứ mạng và các lĩnh vực hoạt động chủ yếu
2. Định hướng năm 2022
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và các giải pháp

4. Định hướng mục tiêu phát triển Công ty ALTA trong dài hạn

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Lương thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐĐH
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

IX. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của Ban Điều hành
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
4. Bảng cân đối kế toán và các báo cáo hợp nhất.

X. Báo cáo phát triển bền vững

1. Cam kết của Ban lãnh đạo
2. Quá trình tiến đến phát triển bền vững
3. Vị thế hiện tại của công ty trong hành trình phát triển bền vững
4. Xác định trách nhiệm
5. Mối quan hệ với các bên liên quan
6. Chỉ tiêu ESG Môi trường
7. Chỉ tiêu ESG Xã hội
8. Chỉ tiêu ESG – Quản trị công ty

I. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý khách hàng, các cơ quan hữu quan, các cổ đông và toàn thể công nhân viên chức Công ty.

Trước tiên, thay mặt CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH tôi xin gửi tới Quý khách hàng, các cơ quan hữu quan, các cổ đông và toàn thể công nhân viên chức Công ty lời chào, lời cảm ơn chân thành nhất về sự hỗ trợ và hợp tác trong suốt nhiệm kỳ V của HĐQT ALTA vừa qua.

Năm 2020 - 2021 đại dịch bệnh COVID-19 kéo dài, diễn biến phức tạp đã tác động tới mọi mặt đời sống, kinh tế - xã hội, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong đó có Công ty ALTA cũng bị ảnh hưởng lớn. Để vượt qua thử thách, nhận thức được tình hình dịch bệnh Ban Lãnh đạo Công ty đã khẳng định bản lĩnh sẵn sàng đối phó và suy nghĩ sáng tạo, kịp thời đề ra các giải pháp phòng chống hữu hiệu để thực hiện các mục tiêu đặt ra là :

- Vừa tích cực phòng chống dịch bệnh, tăng cường sức khỏe cho nhân viên ở mức cao nhất, duy trì tinh thần tích cực và lan tỏa hy vọng trong toàn hệ thống Công ty;
- Vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường bảo đảm cung ứng sản phẩm hàng hóa cho thị trường, đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đặt ra thông qua việc chuyển đổi các hoạt động, mục tiêu sang giải pháp thực hiện trực tuyến và 3 tại chỗ một cách chủ động và hiệu quả.

Kính thưa Quý Vị,

Năm 2021 vừa qua thực sự Công ty chúng ta đã vượt qua cơn giông tố của đại dịch toàn cầu, một năm chúng ta đứng trước nhiều nỗi lo: Lo cho từng thành viên được mạnh khỏe và bình an; Lo cho doanh nghiệp vượt qua mọi thách thức và ổn định... Mặc dù Công ty cũng có những tổn thất lớn, đặc biệt giảm sút nghiêm trọng là hoạt động kinh doanh dịch vụ và công nghệ của Công ty nhưng chúng ta vẫn vững vàng và chúng ta cũng đã chiến thắng, đã gặt hái được nhiều kết quả hữu ích từ đây đó là:

- ✓ Bảo đảm sức khỏe lãnh đạo xuyên suốt quá trình: Bình tĩnh, sáng tạo, bản lĩnh dẫn dắt Công ty vượt sóng gió và đoàn kết tập hợp mọi thành viên Công ty thành một cộng đồng kỷ luật làm việc với tinh thần lạc quan, tự tin tiến lên phía trước.
- ✓ Tích lũy được kinh nghiệm và kiến thức phòng chống dịch hữu hiệu từ thực tế hoạt động và chấp hành tuyệt đối các mệnh lệnh y tế từ các cơ quan có trách nhiệm.
- ✓ Chuyển đổi kịp thời các giải pháp SXKD cho phù hợp với mọi hoàn cảnh từng nơi, từng lúc, từng đối tượng trong chuỗi cung ứng, sản xuất và phân phối liên quan.
- ✓ Tích cực ứng dụng khoa học công nghệ, số hóa mạnh mẽ trong hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh đồng thời nỗ lực thúc đẩy nghiên cứu phát triển nhiều loại sản phẩm mới phát sinh nhu cầu trong thời đại dịch.

Với những yếu tố cơ bản thuận lợi trên và tình trạng trở lại bình thường hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh được mở rộng, Công ty ALTA được dự đoán sẽ phục hồi trong năm 2022 và có xu hướng tăng trưởng trong những năm tới từ năm 2023 với nhận định: Dịch Covid-19 vẫn tiếp tục là một rủi ro lớn, ít nhất trong ngắn hạn.

Thực hiện mục tiêu thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19 theo tinh thần quản lý rủi ro và đẩy mạnh phục hồi sản xuất kinh doanh, bảo đảm an toàn y tế và đời sống công nhân viên chức... là khởi đầu một bước đi hoàn toàn mới của Công ty ALTA, một nhiệm kỳ thứ VI của Hội đồng Quản trị ALTA với đội ngũ chân thành, nhiệt huyết và có năng lực sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ liên kết cả hệ thống để đưa ALTA vào chặng đường với nhiều kỳ vọng phát triển mới.

Kính thưa Quý vị,

Chúng tôi đoán chắc rằng khi có sự quan tâm hỗ trợ của quý khách hàng, các cơ quan hữu quan, sự tin tưởng của các nhà đầu tư, với những quyết tâm và nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và toàn thể công nhân viên chức... Công ty ALTA nhất định phát triển vững bền như mong đợi.

Một lần nữa tôi thay mặt HĐQT ALTA gửi đến tất cả các Quý vị lời cảm ơn chân thành và lời chào trân trọng nhất!

TP. Hồ Chí Minh 22.04.2022

Chủ tịch HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOÀNG VĂN ĐIỀU

II. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình
Tên tiếng Anh ALTA COMPANY
Tên viết tắt ALTA

LOGO



Giấy chứng nhận đầu tư số 0613268785

Vốn điều lệ **61.725.230.000 đồng**
Vốn đầu tư chủ sở hữu **214.980.669.081 đồng**

Địa chỉ trụ sở chính Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại 084-28-38162885

Số fax 084-28-38162887

Email alta@alta.com.vn

Website www.alta.com.vn

Mã cổ phiếu ALT

2. Quá trình hình thành và phát triển

1989

Tiền thân của Công ty ALTA là Công Ty Văn Hóa Tổng Hợp Tân Bình - một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1989. Hoạt động theo cơ cấu “Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất” chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa tại thị trường nội địa.

1992

Năm 1992 Công ty được đổi tên là Công Ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng Hợp Tân Bình. Hoạt động theo cơ cấu “Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ”.

1998

ALTA là doanh nghiệp đầu tiên của ngành Văn hóa Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH theo Quyết định số 3336/QĐ - UB - KT ngày 26/06/1998 của UBND Tp.HCM và Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.

1999

Đầu tư Dự án Sản xuất Bao bì Xuất khẩu, vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Đầu tư Hệ thống Chế bản tách màu điện tử, vốn đầu tư 03 tỷ đồng, công suất 50 triệu cm² phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.

2000

Đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ, mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động.

2001

Xây dựng Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA đặt tại KCN Tân Bình, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó xây dựng nhà xưởng và thuê đất 20 tỷ đồng, tăng thêm 200 lao động

2002

Đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA), nâng công suất in tối đa của Công ty từ 06 tỷ trang in lên 09 tỷ trang in/năm, tăng thêm 10 lao động.

2003

Đầu tư Dự án Sản xuất hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, vốn đầu tư 3.5 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA).

2004

Đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt CaCO₃), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 20 lao động.

2006

Đầu tư dự án Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thương mại Lạc hồng, vốn đầu tư 40 tỷ tại địa điểm 91B Phạm Văn Hai, quận Tân Bình. “Ngày 22/11/2006, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là DN đầu tiên thuộc ngành in ấn và bao bì xuất khẩu niêm yết cổ phiếu. Với Vốn điều lệ 13.347 tỷ đồng, ALTA chưa phải là DN mạnh về tài chính trong lĩnh vực nhiều cạnh tranh này, nhưng lại nổi tiếng là DN luôn tiên phong, cả về công nghệ lẫn sản phẩm.” (Trích đăng Báo Đầu tư Chứng khoán số 47, ngày 20/11/2006).

2008

Ngày 02 tháng 02 năm 2008, ALTA khánh thành và khai trương Rạp ALTA 4D - MAX SUỐI TIÊN tại Khu Du Lịch Văn hóa Suối Tiên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Suối Tiên. Nhân dịp kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa (1998-2008) ALTA khánh thành và khai trương Trung tâm Thương mại & Giải trí ALTA PLAZA ngày 26/7/2008 tại địa điểm 91B2, đường Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình, Tp.HCM với tổng diện tích sử dụng hơn 7.000 m2. Trong dịp này, ALTA cũng đưa vào hoạt động Rạp chiếu phim đa chiều cảm giác mạnh 3D TurboRide và Khu Công nghệ Thể thao Điện tử Laser Game – lần đầu tiên có tại Việt nam. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2008, tháng 12/2008 ALTA đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 để tăng Vốn điều lệ từ 39.951.250.000 đồng lên 49.339.050.000 đồng.

2009

Thành lập Công ty Liên doanh Đan-Việt giữa công ty ALTA và công ty FORMULA sản xuất thẻ thông minh (theo chương trình tài trợ Kết nối doanh nghiệp B2B giữa hai chính phủ Việt Nam và Đan Mạch) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2009, tháng 12/2009 ALTA đã hoàn tất việc trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:9 và tăng Vốn điều lệ từ 49.339.050.000 đồng lên 53.562.130.000 đồng.

2010

Khai trương 02 khu vực giải trí Laser Zone tại 02 địa điểm vui chơi giải trí Suối Tiên và Siêu thị Maximark 3T2. Khánh thành tòa nhà văn phòng cho thuê 284-286 Hoàng Văn Thụ. Khai trương Trung tâm Mua sắm Outlet Unique tại tòa nhà Alta Plaza trước đây với mô hình mua sắm hàng hiệu giá rẻ - lần đầu tiên có tại Việt Nam với qui mô lớn.

2014

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 4.918.520.000 tỷ đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 58.480.640.000 đồng.

2015

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 3.244.590.000 đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 61.725.230.000 đồng.

2016

Xây dựng Rạp Cinema Turboride và khu trò chơi giải trí Space Ship tại Khu du lịch Suối tiên.

2017

Thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (tháng 8/2017).

2018

Công ty Cổ phần In thương mại Quảng cáo Âu Lạc khai trương Văn phòng và Nhà máy mới tại địa chỉ Lô IV-7, Đường số 4, Nhóm CN IV, Khu Công Nghiệp Tân Bình.

2020

Công ty lắp ráp hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy ALTA và tiên phong trong việc sử dụng năng lượng sạch để sản xuất các mặt hàng thân thiện môi trường.

2021

Công ty thực hiện “3 tại chỗ” vừa duy trì sản xuất vừa bảo đảm an toàn phòng chống dịch bệnh CoVid-19.

3. Thành tựu đã đạt được

a. Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm

ĐVT: đồng

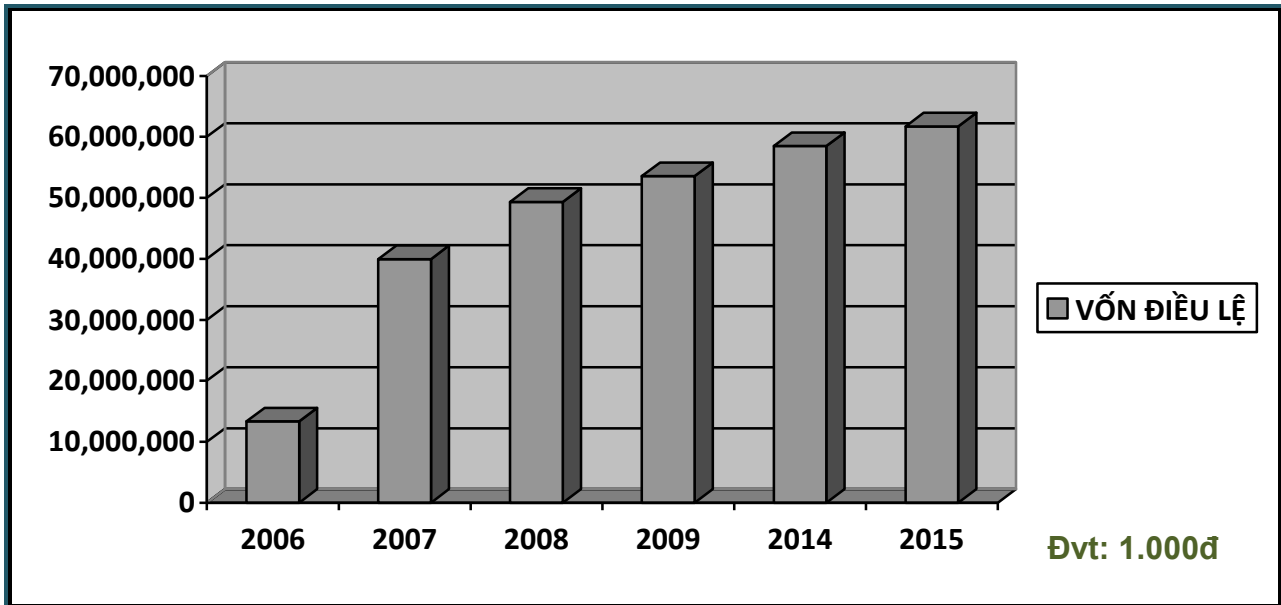
NĂM	DOANH THU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỔNG TÀI SẢN
2006	154.472.771.368	3.189.192.665	13.347.000.000	138.611.197.023
2007	180.245.292.938	8.694.685.159	39.951.250.000	235.839.942.843
2008	188.125.545.576	10.757.491.608	49.339.050.000	248.135.793.077
2009	154.472.771.368	9.145.944.375	53.562.120.000	264.827.900.639
2010	141.326.100.730	6.625.396.768	53.562.120.000	268.364.377.358

2011	172.203.931.433	6.028.992.749	53.562.120.000	246.465.466.432
2012	136.888.499.871	(6.458.705.600)	53.562.120.000	230.589.058.666
2013	123.413.115.014	2.138.281.455	53.562.120.000	217.675.433.988
2014	132.621.747.720	938.863.426	58.480.640.000	221.777.552.892
2015	135.286.205.191	6.011.381.394	61.725.230.000	235.192.442.147
2016	129.104.983.617	5.795.920.627	61.725.230.000	224.604.123.621
2017	144.589.709.984	7.682.732.707	61.725.230.000	228.319.841.394
2018	156.829.819.565	7.494.992.753	61.725.230.000	251.119.236.363
2019	201.551.986.980	8.401.309.085	61.725.230.000	245.094.652.767
2020	192.518.425.441	4.088.776.544	61.725.230.000	292.495.618.295
2021	222.964.375.950	5.260.993.498	61.725.230.000	276.575.206.242

b. Quá trình tăng vốn

ĐVT: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ điều chỉnh	Vốn điều lệ lũy kế
2006	//	13.347.000.000
2007	26.604.250.000	39.951.250.000
2008	9.387.800.000	49.339.050.000
2009	4.223.080.000	53.562.120.000
2014	4.918.520.000	58.480.640.000
2015	3.244.590.000	61.725.230.000



4. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Ngành nghề

Ngành in: Thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với xuất bản phẩm và các loại ấn phẩm gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì hàng hóa, brochure quảng cáo, tờ bướm, poster .v.v...

Ngành nhựa: Sản xuất xuất khẩu các loại bao bì nhựa PE, các sản phẩm thân thiện môi trường như: bao bì nhựa tự phân hủy.

Ngành dịch vụ văn hoá và giải trí: Quảng cáo đa phương tiện, các loại dịch vụ giải trí, công nghệ thể thao điện tử... Các hoạt động khác: sản xuất khăn giấy cao cấp, cho thuê mặt bằng v.v...

Ngành phát triển phần mềm: Tạo đột phá với Digital Tranformation nhằm sử dụng công nghệ để tạo ra trải nghiệm khách hàng tốt hơn, cải tiến sản phẩm và dịch vụ cũng như tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

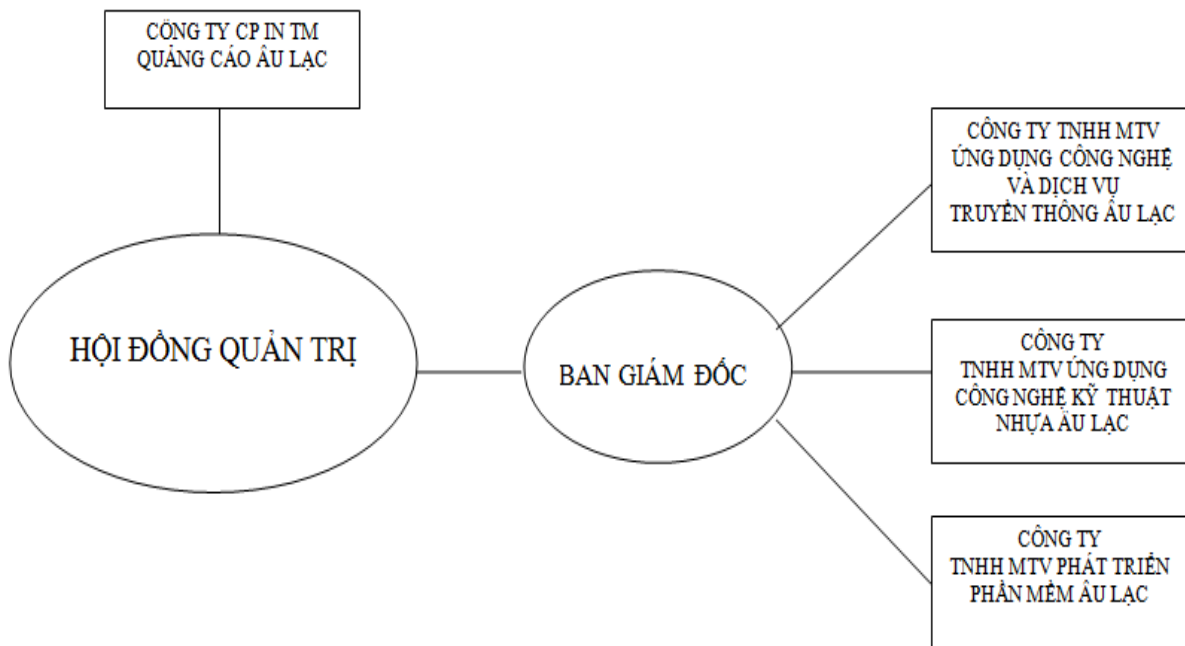
b. Địa bàn

Tp.HCM và các tỉnh thành trong cả nước.

5. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị

ALTA là công ty cổ phần hoạt động quản trị theo mô hình công ty mẹ – con. Về mặt tổ chức cả công ty mẹ và các công ty con đều theo hình thức quản trị 3 cấp: cấp công ty – cấp bộ phận và cấp chức năng. Riêng với các công ty liên quan và liên kết, Công ty ALTA là cổ đông góp vốn và tham gia trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.



	Công ty	Vốn điều lệ	Ngày thành lập
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)	27/11/2008
Công ty con	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc (Alta Media)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	08/08/2008
	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc (Alta Plastic)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	13/08/2013
	Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (Alta Software)	5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)	15/08/2017

b. Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Điều - Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	Đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty từ năm 1989. Từ ngày 30/06/2014, Ông Điều không còn kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Hiện nay, Ông Điều là Chủ tịch HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	578.860 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,09% SLCP có quyền biểu quyết
Bà Lại Thị Hồng Diệp – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác	Làm việc tại công ty ALTA từ năm 1989 đến nay với các chức vụ Kế toán trưởng năm 1989, Giám đốc Tài chính từ năm 2001, Giám đốc Điều hành từ năm 2006, Phó Tổng Giám đốc từ năm 2011. Hiện Bà Diệp là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	355.863 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,20% SLCP có quyền biểu quyết

Ông La Thế Nhân - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
Tóm tắt quá trình công tác	Hiện là Giám đốc Công ty Cổ phần In - Thương mại - Quảng cáo Âu Lạc đồng thời là Thành viên HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	295.550 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,15% SLCP có quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ACB
Số cổ phiếu nắm giữ	Cá nhân 1670 cổ phiếu và Đại diện 1.051.244 cổ phiếu của Cy Địa ốc ACB
Ông Hoàng Minh Anh Tú - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành	
Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ Thông tin tốt nghiệp tại Canada
Quá trình công tác	Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc từ năm 2008, được bổ nhiệm Tổng giám đốc của ALTA từ 01/07/2014.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

Số cổ phiếu nắm giữ	Đại diện vốn 230.000 cổ phần của công ty Liksin chiếm tỷ lệ 4% SLCP có quyền biểu quyết. Cá nhân 28.595 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,50% SLCP có quyền biểu quyết
---------------------	--

c. Ban Kiểm soát

Bà Thái Thị Phượng - Trưởng Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	Bà Phượng đã làm việc tại ALTA từ năm 1993 đến nay, hiện là Giám đốc Tiếp thị của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	24.147 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42% SLCP có quyền biểu quyết.

Ông Lê Quốc Thắng - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	Nguyên Giám đốc Trung tâm Băng đĩa nhạc Trùng Dương.
Số cổ phần sở hữu	72 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,013% SLCP có quyền biểu quyết.

Bà Quách Thị Mai Trang - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch
Quá trình công tác	Hiện nay là Trưởng ban Kiểm soát Nội bộ của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	2819 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,05% SLCP có quyền biểu quyết.

d. Ban Giám đốc điều hành

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Tổng giám đốc Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị	
Số cổ phần sở hữu	Đại diện vốn 230.000 cổ phần của công ty Liksin chiếm tỷ lệ 4% SLCP có quyền biểu quyết. Cá nhân 28.595 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,50% SLCP có quyền biểu quyết.

6. Các rủi ro trong hoạt động:

a. Rủi ro tỷ giá

- Với địa bàn hoạt động cả trong và ngoài nước cùng với nguồn nguyên liệu chủ yếu là hàng nhập, yếu tố tỷ giá ngoại tệ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trong năm 2021 chỉ số giá đô la Mỹ không có biến động lớn. Tính đến ngày 30/12/2021, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng được giao dịch ở mức 22.788 VND/USD, giảm gần 1,3% so với cuối năm trước.
- Để hạn chế tác động của rủi ro tỷ giá, Công ty luôn cập nhật tình hình tỷ giá thế giới đưa ra các biện pháp và chính sách phù hợp, chọn thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp, hạn chế phát sinh chi phí trong sản xuất.

b. Rủi ro lãi suất

- Sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến chi phí tài chính Công ty phải trả cho các khoản phải trả cũng như các lợi nhuận nhận được từ tiền gửi ngân hàng, cho vay hoặc các công cụ tài chính khác. Hiện nay các khoản nợ tín dụng của công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu tài sản, do đó rủi ro này chưa tác động đáng kể đến hoạt động của công ty.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính của Công ty, xét về phương diện vĩ mô, sự thay đổi của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức mà công ty đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến giá trị trường của các khoản đầu tư.
- Công ty luôn theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, động thái điều hành lãi suất, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó đưa ra các dự báo và có các quyết định kịp thời.

c. Rủi ro pháp luật

- Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Kế toán, Kiểm toán... Ngoài ra, Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do đó Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan cũng tác động đến Công ty.
- Để đáp ứng sự thay đổi của nền kinh tế mở cửa, hội nhập, trong thời gian tới các quy định của Pháp luật sẽ còn nhiều điều chỉnh để đáp ứng kịp thời các quan hệ kinh tế phát sinh. Với rủi ro mang tính hệ thống này, Công ty đã có các biện pháp quản trị như: liên tục cập nhật các văn bản pháp luật, mỗi bộ phận có trách nhiệm nghiên cứu quy định liên quan đến lĩnh vực của mình và báo cáo cho Ban lãnh đạo về sự thay đổi ngay khi có thông tin; sử dụng dịch vụ tư vấn phù hợp.

d. Rủi ro khác

- Rủi ro từ nạn dịch Covid-19: Từ cuối năm 2019, năm 2020, suốt năm 2021 toàn thế giới trong đó có Việt Nam phải gánh chịu một nạn dịch vô cùng nguy hiểm, mọi hoạt động kinh tế xã hội đều ngưng trệ hoặc sụt giảm theo mức độ hoành hành của dịch bệnh. Ngành truyền thông của công ty năm 2021 gặp nhiều trở ngại và trở nên vô cùng khó khăn dù công ty đã có nhiều kế hoạch khắc phục và chuyển hướng kinh doanh.
- Các rủi ro khác do thiên tai, hỏa hoạn... có xác suất xảy ra thấp nhưng có thể gây thiệt hại lớn về cơ sở vật chất và con người, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng công tác bảo hiểm và bảo vệ tài sản. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và diễn tập hàng năm cùng lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp Cảnh sát PCCC.
- Một rủi ro khá đặc biệt mà công ty nhận định là rủi ro do quá trình đổi mới - Để đổi mới, doanh nghiệp phải chấp nhận rủi ro và sẵn sàng đón nhận nếu thất bại trong quá trình thực hiện, vì đó là điều không thể tránh khỏi khi doanh nghiệp đang chuyển hướng mới. Cách tốt nhất để tránh rủi ro là việc nghiên cứu cẩn thận, hoạch định chu đáo và sự đồng lòng của các thành viên được thúc đẩy bởi một quá trình truyền thông bền bỉ.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phương hướng và những giá trị

a. Phương hướng

- Xây dựng thương hiệu Alta uy tín.
- Cam kết hợp tác chân thành.
- Tạo lập giá trị tốt nhất cho cổ đông và các thành viên.

b. Những giá trị

- Luôn tôn trọng sự chân thực.
- Sẵn sàng hợp tác và liên kết.
- Tổ chức thống nhất hành động.

2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chuỗi hành động hướng tới mục tiêu của ALTA chính là:

- Khuyến khích và đòi hỏi sáng tạo để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bảo đảm uy tín và chất lượng sản phẩm.
- Luôn luôn quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu ALTA.
- Thành công cùng đối tác: Trong suốt quá trình hoạt động, ALTA luôn quan tâm đến việc xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững dựa trên sự tin cậy và lợi ích hài hòa.
- Lấy hiệu quả làm nền tảng: ALTA luôn lấy hiệu quả làm nền tảng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để từ đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh và góp phần xây dựng cộng đồng.
- Sẵn sàng thay đổi để sửa chữa, thích nghi và phát triển.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội cũng như cộng đồng là một phần không thể thiếu. Vì vậy, Công ty đã đặt ra một số tiêu chí sau trong quá trình hoạt động của mình:

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường sống; áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất đối với môi trường. Sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm và hợp lý. Quản lý chất thải, khí thải, nước thải đúng qui định để chúng không ảnh hưởng đến môi trường.
- Tạo ra các sản phẩm bảo đảm sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. Tuyển dụng và sử dụng lao động không chỉ tuân thủ các quy định của Luật Lao động mà công ty còn tạo ra một môi trường lao động tốt hơn đồng thời phát triển các sinh hoạt nâng cao đời sống tinh thần. Không để xảy ra tình trạng bóc lột, lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em.
- Cùng góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng địa phương, sẵn sàng san sẻ khó khăn với các hoàn cảnh đặc biệt trong địa bàn hoạt động của mình.
- Tôn trọng và tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động kinh tế và quản trị, bảo đảm minh bạch thông tin, đối xử bình đẳng với cổ đông và các thành viên trong tổ chức. Xây dựng tinh thần cạnh tranh lành mạnh và phòng chống tham nhũng trong hoạt động quản trị.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Số liệu

Đvt: đồng

Chi tiêu	2020	2021	So sánh
Doanh thu thuần	192.421.551.621	222.964.375.950	115,87%
Lợi nhuận gộp	26.544.735.021	38.757.824.290	146,01%
Lợi nhuận từ HĐSXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	5.015.084.737	7.463.400.854	148,82%
Lợi nhuận khác	270.829.811	(1.461.016.928)	
Lợi nhuận trước thuế	5.285.914.548	6.002.383.926	113,55%
Lợi nhuận sau thuế	4.088.776.544	5.260.993.498	128,67%
EPS	713	917	128,61%

Đvt: triệu đồng

NGÀNH	2019		2020		2021	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	3.358	301	2.077	-205	0.165	
Bao bì Nhựa	129.964	11.500	150.122	23.997	147.107	15.723
Khăn giấy, thương mại	7250	1.255	3.251	125	33.604	12.491
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	60.980	19.252	36.972	2.628	42.253	10.544
Cộng	201.552	32.308	192.422	26.545	222.964	38.758

NGÀNH	TỶ TRỌNG 2019		TỶ TRỌNG 2020		TỶ TRỌNG 2021	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	1,67%	0,93%	1,08%	- 0,77%	0,00%	0,00%
Bao bì Nhựa	64,48%	35,59%	78,02%	90,40%	65,98%	40,57%
Khăn giấy, thương mại	3,60%	3,88%	1,69%	0,47%	15,07%	32,23%
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	30,25%	59,59%	19,21%	9,90%	18,95%	27,20%
Cộng	100%	100%	100%	100%	100%	100%

- Năm 2021, doanh thu sản xuất ngành in của công ty giảm do ảnh hưởng dịch bệnh CoVid-19.
- Doanh thu ngành nhựa bình ổn nhờ việc duy trì sản xuất “3 tại chỗ” trong mùa dịch bệnh CoVid-19.
- Ngành sản xuất khăn giấy, thương mại doanh thu tăng do mở rộng mặt hàng kinh doanh.
- Ngành truyền thông, giải trí và các dịch vụ khác tăng do đa dạng hóa ngành nghề.

b. Chiến lược kinh doanh

Trong năm 2021, Công ty đã có một số thay đổi trong chiến lược kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ như sau:

Tăng cường phát triển khách hàng mới và tiếp tục đưa các sản phẩm mới vào các hệ thống siêu thị. Mở rộng chào hàng các loại túi thương mại phân phối đến các hệ thống Mega, BHX... Đẩy mạnh doanh số thương mại các mặt hàng sản phẩm cung cấp màng co, găng tay y tế, băng keo, dây ràng... Đối với mảng truyền thông, công ty với chiến lược cung ứng các mặt hàng công nghệ cao đi trước thị trường và kết hợp với nội dung sáng tạo, tương thích đã tăng được số lượng khách hàng mới với doanh thu tốt.

c. Sản phẩm mới

+ Ngành nhựa :

- Tự sản xuất 2 máy cắt cuộn túi thực phẩm (2 dây, 2 tầng), 1 máy thổi LDPE và cải tiến máy cắt túi rác cuộn quai tầng. Đưa vào nhà máy thêm 1 máy cắt 2 dây cắt cơ và 1 máy cắt nhiệt 2 dây. Việc lắp ráp và chuyển giao máy cho các tổ sản xuất nhằm tăng năng suất và thể hiện được tính sáng tạo trong việc sản xuất máy đồng thời giảm chi phí đầu tư máy nếu mua của các đơn vị khác.
- Trong năm 2021 đã thành công trong việc ó tái sinh phế liệu tinh bột. Phát triển thêm loại hàng mới: các cuộn túi rác có quai ba màu và màu đen để kinh doanh chào hàng vào các khách hàng lớn.

+ Ngành truyền thông :

- Tập trung nghiên cứu các sản phẩm mới như Multi- layers Hologram, máy bán hàng tự động , phát triển kinh doanh lập trình thiết kế ra nước ngoài.
- Sản xuất và lắp đặt hệ thống trình chiếu màn hình nước tại Công viên Văn hóa Đầm Sen.
- Đầu tư phát triển dây chuyền sản xuất GEL diệt khuẩn đưa ra thị trường vào quý III/2022.

d. Nguồn cung cấp

- Ngành khăn giấy tiếp tục nhập thêm các loại giấy mới để đa dạng sản phẩm.
- Nhập thêm hạt phụ gia ngành nhựa và hạt tái sinh nhằm giảm giá thành sản phẩm, giảm tỷ lệ phế liệu.

2. Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đvt: đồng

Năm 2021	Giá trị ALTA đầu tư đến 31/12/2021
Công ty con	
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty Phát triển Phần mềm Âu Lạc	2.500.000.000
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	20.262.651.221

3. Tình hình tài chính

Chi tiêu	ĐVT	2020	2021	So sánh
Tổng Tài sản		292.495.618.245	276.575.206.242	94,56%
Doanh thu thuần	VND	192.421.551.621	222.964.375.950	115,87%
Lợi nhuận gộp	“	26.544.735.021	38.757.824.290	146,01%
Lợi nhuận từ Hoạt động SXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	“	5.015.084.737	7.463.400.854	148,82%
Lợi nhuận khác	“	270.829.811	(1.461.016.928)	-539,46%
Lợi nhuận trước thuế	“	5.285.914.548	6.002.383.926	113,55%
Lợi nhuận sau thuế	“	4.088.776.544	5.260.993.498	128,67%
EPS	“	713	917	128,61%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,14	2,65	123,58%
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,76	2,23	126,93%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	26,93	22,27	82,70%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	36,85	28,65	77,75%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,62	7,15	127,22%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,66	0,81	122,72%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,12	2,36	111,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,91	2,45	128,27%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,40	1,90	135,71%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,99	3,19	160,30%

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 2.14 lên 2.65 lần do trong năm công ty thu hồi công nợ tốt, khả năng thanh toán nhanh của công ty do lý do trên nên cũng tăng từ 1,76 lên 2,23 trong năm nay.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty hơn nữa.

4. Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2021, Công ty có **330** lao động, tăng 6,45 % so với năm trước.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2020	Tỷ lệ 2020	Số lượng 2021	Tỷ lệ 2021
I	Theo trình độ	310	100%	330	106,45%
1	Đại học	65	20,97%	53	16,06%
2	Cao đẳng	66	21,29%	58	17,58%
3	Trung cấp	20	6,45%	18	5,45%
4	Phổ thông trung học trở xuống	159	51,29%	201	60,91%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	310	100%	330	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	173	55,80%	235	71,21%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	137	44,20%	95	28,79%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%	0	0%

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2021 là 9.290.000đ tăng 12,47% so với năm trước do sản lượng, doanh số tăng.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định của Bộ Luật lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế độ thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi... và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, công nhân và nhân viên phải mặc trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của các cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động. Trong năm 2021 không có trường hợp tai nạn lao động xảy ra tại công ty do BCH Công đoàn phối hợp với BLĐ thực hiện tốt các biện pháp nhắc nhở, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động thường xuyên.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, Công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong Công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng. Bên cạnh đó, BCH Cơ sở Công đoàn ALTA luôn cùng với BDH quan tâm đến đời sống tinh thần cũng như chăm lo cuộc sống của người lao động nên liên tục nhiều năm liền đạt thành tích CĐCS Vững mạnh Xuất sắc và được Cờ thi đua Hoàn thành Xuất sắc Nhiệm vụ liên tục 4 năm liền (từ năm 2018 đến năm 2021) do Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021 vẫn còn ảnh hưởng bởi đại dịch CoVid-19 nên Công ty phải xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Ngành nhựa tuy doanh số ổn định nhưng lợi nhuận biến động do giá nguyên liệu tăng cao.

Ngành truyền thống của công ty đã từng bước khôi phục doanh thu nhưng vẫn chưa khởi sắc như mong muốn.

Ngành kinh doanh dịch vụ tuy doanh thu có tăng so với năm 2020 nhưng vẫn còn bị ảnh hưởng bởi đại dịch.

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	2020	2021	TH 2021/2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.518.425.441	224.346.045.177	116,53%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	96.873.820	1.381.669.227	1.426,26%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.421.551.621	222.964.375.950	115,87%
4	Giá vốn hàng bán	165.876.816.600	184.206.551.660	111,05%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.544.735.021	38.757.824.290	146,01%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.923.847.719	3.087.613.001	62,71%
7	Chi phí tài chính	1.079.907.362	2.151.747.620	199,25%
8	Chi phí bán hàng	9.714.854.083	11.820.929.605	121,68%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.845.306.861	20.751.335.506	123,19%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.015.084.737	7.463.400.854	148,82%
11	Thu nhập khác	2.168.720.115	98.762.211	4,55%
12	Chi phí khác	1.897.890.304	1.559.779.304	82,18%
13	Lợi nhuận khác	270.829.811	(1.461.016.928)	-539,46%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.285.914.548	6.002.383.926	113,55%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.197.138.004	741.390.428	61,93%
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.088.776.544	5.260.993.498	127,35%
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	713	917	128,61%

2. Phân tích tình hình tài chính năm 2021

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng tài sản	292.495.618.245	276.575.206.242	-5,44%
Tài sản ngắn hạn	157.886.368.891	155.703.611.540	-1,38%
Tài sản dài hạn	134.609.249.354	120.871.594.702	-10,21%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	53,98%	56,30%	4,30%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	46,02%	43,70%	-5,04%
Tổng nợ	78.760.246.362	61.594.537.161	-21,79%

Nợ ngắn hạn	73.442.233.326	58.763.766.380	-19,99%
Nợ dài hạn	5.318.013.036	2.830.770.781	-46,77%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	26,93%	22,27%	-17,30%
Tổng nguồn vốn	292.495.618.245	276.575.206.242	-5,44%
Vốn chủ sở hữu	213.735.371.883	214.980.669.081	0,58%
Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	73,07%	77,73%	6,38%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,12%	2,36%	11,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,91%	2,45%	28,27%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,4%	1,9%	35,71%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	1,99%	3,19%	60,30%

a. Phân tích tài sản

Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2021 tăng từ 53,98% lên 56,30%, tỷ suất đầu tư tài sản dài hạn năm 2021 giảm từ 46,02 % xuống 43,70%. Những thay đổi này không đáng kể.

Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 2,45 lần. Đây là chỉ tiêu nói lên sự ổn định về tài chính của Công ty.

b. Phân tích nguồn vốn

Nợ ngắn hạn giảm từ 73 tỷ xuống 59 tỷ và đòn cân nợ giảm từ 0,36 xuống 0,29.

Vốn chủ sở hữu tăng 0,58% (do tăng lợi nhuận trong năm).

c. Phân tích tình hình công nợ

Khoản phải thu ngắn hạn từ bán hàng giảm, khoản phải trả ngắn hạn giảm.

Vòng quay các khoản phải thu là 3,9 vòng, số ngày trung bình để thu được khoản phải thu là 91 ngày là do công ty có chính sách trả chậm với 1 số tập đoàn bán lẻ lớn. Điều này cũng nói lên tình hình cạnh tranh mạnh mẽ trên thương trường.

d. Phân tích khả năng thanh toán

Tỷ lệ thanh toán hiện hành ở mức 2,65 lần - đây là một tỷ lệ tốt về tài chính.

Tỷ lệ thanh toán nhanh tăng từ 1.76 lên 2,23 lần – mức tăng này thể hiện tình hình tài chính của công ty rất lành mạnh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

a. Chính sách quản trị - điều hành :

Điều hành có kế hoạch cụ thể.

Nâng tầm ảnh hưởng của người lao động để có chính sách cụ thể.

Áp dụng công nghệ trong công tác điều hành.

Sẵn sàng truyền đạt để chuyển giao.

b. Chiến lược phát triển sản phẩm.

Mạnh dạn sản xuất sản phẩm mới.

Chấp nhận rủi ro để loại bỏ sản phẩm thoái trào.

Sử dụng công dụng và chất lượng làm thước đo giá trị sản phẩm.

c. Chiến lược tiếp thị khách hàng

Tiếp thị trên nhiều phương tiện, nhiều thời điểm và nhiều công thức.

Hiểu suy nghĩ và hiểu khó khăn của khách hàng để linh hoạt giải quyết.

Xem trọng công tác hậu mãi để giữ khách hàng.

VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2021, dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm ảnh hưởng lớn ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 tăng 2,58% so với năm trước, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2021, nhưng trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2021 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Bên cạnh đó, mục tiêu kiềm chế lạm phát đã được khống chế, lạm phát cơ bản năm 2021 tăng 0,81% so với năm 2020, Năm 2021, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công. Ở góc độ điều hành vĩ mô, Chính phủ luôn chỉ đạo đúng đắn, kịp thời nhằm khống chế đà tăng CPI ngay từ đầu năm.

Năm 2021, HĐQT nhận thấy Ban Điều hành đã nỗ lực ổn định và phát triển các ngành sx theo nhiều hướng mới, đảm bảo không ngừng sản xuất bằng cách thực hiện “3 tại chỗ”. Ban Điều hành đã xây dựng các phương án thực hiện sản xuất liên tục trong thời gian thành phố phong tỏa phòng chống dịch bệnh CoVid-19 đã góp phần duy trì sản lượng hàng hóa, không cắt giảm lương, không giảm người lao động, bảo đảm giao hàng đầy đủ đúng chất lượng theo đơn hàng nên số lượng khách hàng lớn nhỏ đều ổn định.

Bên cạnh đó Ban Điều hành đã xây dựng một thái độ làm việc đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực cống hiến cho người lao động tại công ty. Đây là 3 yếu tố quyết định giúp công ty ổn định vượt khó trong năm 2021.

a. Những điểm mạnh

- Đội ngũ lao động được trẻ hóa và tăng nhanh về số lượng, đã phát huy được khả năng lao động cùng với tính sáng tạo và sự năng động. Hình thành được đội nhóm lao động kỹ thuật giải tay nghề, mạnh dạn chế tạo được các máy móc sản xuất và hỗ trợ sản xuất nhựa.
- Phát triển sản phẩm công nghệ truyền thông theo hướng đón đầu xu hướng và cập nhật tiến bộ của thế giới đã tạo ra thế mạnh cạnh tranh về nội dung và chất lượng công nghệ riêng.
- Tình hình tài chính Công ty luôn lành mạnh, rất ổn định và kịp thời. Công ty không gặp khó khăn về tín dụng và luân chuyển vốn.
- Cơ cấu tổ chức của công ty ngày càng được xây dựng hoàn thiện hợp lý.
- Luôn phát triển doanh nghiệp thông qua việc kết hợp sức mạnh nội lực của Công ty với mối liên doanh hợp tác chân thành của các công ty con, công ty liên kết cũng như với các Nhà cung ứng và ngay cả với các Khách hàng.
- Công ty chú trọng việc ổn định sản xuất hàng hóa hôm nay vừa phát triển sản phẩm mới cho ngày mai để đón đầu xu thế kinh doanh của xã hội.
- Phát huy tổng thể sức mạnh đoàn kết tất cả vì mục tiêu phát triển công ty ALTA.

b. Những điểm yếu

- Chưa thấy hết mức độ rủi ro cao của dịch bệnh với ảnh hưởng nghiêm trọng đến dịch vụ giải trí.

- Lực lượng công nhân tay nghề cao ngày càng mỏng do tác động của đại dịch và sự dịch chuyển lao động về các địa phương ngoài thành phố. Bên cạnh đó việc đào tạo tại chỗ lực lượng công nhân giỏi kế thừa gặp nhiều khó khăn.
- Công tác thông tin báo cáo cũng chưa đạt yêu cầu thông suốt và kịp thời.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

- Trước tình hình thật sự khó khăn của năm 2021, Ban Giám đốc Điều hành công ty (BGĐĐH) đã nhanh chóng trong việc chuyển đổi tư duy kinh doanh để vừa ổn định sản xuất vừa tăng sản lượng và phát triển sản phẩm mới. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng đại dịch CoVid-19 nên năm 2021 BGĐĐH buộc phải xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh để phù hợp với tình hình thực tế.
- Tuy vậy, mặc dù BGĐĐH đã linh hoạt thay đổi kế hoạch kinh doanh cũng như tận dụng mọi khả năng sẵn có nhưng HĐQT chưa thấy được sự gắn bó và hợp lực hiệu quả của các cấp lãnh đạo điều hành trong nửa năm đầu hoạt động.

Một số thành quả được ghi nhận như sau:

- Ổn định sản xuất, tăng cường công tác tiếp thị và gia tăng chăm sóc khách hàng tạo đà tăng trưởng doanh thu cho các sản phẩm chủ yếu của công ty.
- Tận dụng tối đa các nguồn lực để đảm bảo giá thành và định mức lợi nhuận trong hoàn cảnh biến động của các giá trị đầu vào và thực tế khó khăn của năm gặp đại dịch.
- Công ty đã xây dựng và triển khai đồng bộ các chính sách đào tạo và đãi ngộ cho người lao động trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp nên không những giảm thiểu được biến động nhân sự trong năm mà còn gia tăng nhanh chóng lực lượng lao động để đáp ứng nhu cầu mới của thị trường.
- BGĐĐH đã có được một năm tích lũy kinh nghiệm hoạt động sxkd ứng phó với rủi ro dịch bệnh trong điều kiện mà sự vận hành và ảnh hưởng của yếu tố này luôn nằm ngoài dự đoán, chỉ có sự năng động nhanh nhạy và lòng quyết tâm mới là giá trị giúp chúng ta vượt qua thử thách.

Chi tiêu đánh giá hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh
Lợi nhuận trước thuế	9.000.000.000	6.002.383.926	66,69%
Lợi nhuận sau thuế	7.200.000.000	5.260.993.498	73,1%
Chia cổ tức	9%	6%	66,69%

VII. KẾ HOẠCH NĂM 2022

Năm 2021 mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng Việt Nam cả năm chỉ ở mức 2,58% đây là con số thấp nhất trong vòng 30 năm qua; Do đó, để trở lại quỹ đạo tăng trưởng, Việt Nam cần thực hiện Chương trình phục hồi kinh tế bền vững vừa đủ liều lượng, vừa trúng mục tiêu và với thể chế thực thi hiệu quả.

Với địa bàn hoạt động chủ yếu ở khu vực TP.HCM và tập trung vào những sản phẩm cốt lõi như in ấn, bao bì, dịch vụ kỹ thuật cao và giải trí thì ALTA có nhiều triển vọng hơn so với toàn thị trường vì đây là khu vực kinh tế năng động nhất cả nước.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được xây dựng dựa trên các căn cứ từ tình hình thực tế của doanh nghiệp, từ nhận định và phân tích môi trường kinh doanh để nhìn nhận được những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức của Công Ty trong thời gian tới. Trên cơ sở đó đề ra định hướng kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công Ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mang theo nhiều lợi ích hơn cho các cổ đông và người lao động Công Ty. Bên cạnh đó Công ty cũng chủ động dự trù xây dựng xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh để kịp thời phù hợp với tình hình phát triển của thị trường.

a. Xác định vị thế công ty năm 2022

- Sản phẩm ngành nhựa của công ty là bao bì nhựa tự hủy, bao bì chuyên dùng và sản phẩm nhựa mềm đa năng rất phù hợp nhu cầu thị trường và thân thiện với môi trường. Công ty Nhựa Âu Lạc đã xây dựng được đội ngũ kỹ thuật đã chế tạo thành công một số máy chuyên dùng hỗ trợ sản xuất và cung ứng ra khách hàng bên ngoài.
- Công ty Alta Media đã trở thành nhà cung cấp uy tín và chuyên nghiệp cho hệ thống thông tin viễn thông và công nghệ lập trình điện tử.
- Alta Media đã thành công khi xây dựng một số dòng sản phẩm mới như hệ thống đèn LED quảng cáo đi kèm với nội dung sáng tạo và tương thích, hiện đứng thứ hai về cho thuê LED có nội dung tích hợp tại Tp. HCM.
- Alta Media cũng là công ty đứng trong top đầu các doanh nghiệp cung cấp phần mềm tương tác và công nghệ mô phỏng chuyển động không gian thực...
- Sản phẩm ngành in của công ty là sản phẩm in bao bì ngành dược và sản phẩm bao bì cao cấp bảo đảm chất lượng tốt và đồng đều ngay cả lô hàng số lượng lớn đặc biệt là Công ty In Âu Lạc đã khẳng định được đẳng cấp và thế đứng vững vàng trong thị trường đầy cạnh tranh của ngành in.
- Công ty cũng hiện đang sản xuất hàng loạt các nhãn hàng khăn giấy và bao bì mang thương hiệu của các tập đoàn thương mại lớn như Metro, Âu Lạc...
- Nguồn bất động sản Công ty sở hữu đang chờ các dự án kích hoạt và kế hoạch triển khai đúng thời cơ và hiệu quả.

b. Cơ hội

- Sản phẩm bao bì nhựa phân hủy sinh học và bao bì nhựa Alta đã được Bộ Tài Nguyên & Môi Trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện môi trường.
- Công ty Nhựa Âu Lạc đã được Sở Y tế Tp.HCM. xác nhận việc công bố hợp quy của sản phẩm bao bì nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Sản phẩm bao bì in ấn đặc chủng ngành dược của Công ty In Âu Lạc xây dựng đạt chuẩn phù hợp GMP.
- Các sản phẩm dịch vụ công nghệ truyền thông, quảng bá sự kiện có tính cạnh tranh của Công ty Alta Media có nhiều cơ hội trong năm 2022 do tính chuyên biệt và hiện đại..
- Sự ra đời và lớn mạnh của các tập đoàn bán lẻ mới sẽ trở thành một trong những kênh tiêu thụ thêm vào của sản phẩm Alta.
- Nền tài chính lành mạnh, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án sản phẩm và dịch vụ mới.

c. Những thách thức

- Năng lực cạnh tranh gia tăng do sức mua giảm, các loại chi phí đầu vào tiếp tục tăng trong năm 2022, công nghệ mới tự động hóa mới được đầu tư, công nhân lao động năng suất chưa cao, kỹ năng quản trị cấp quản trị trung gian còn yếu... sẽ là những yếu tố phải quan tâm hàng đầu của Ban Điều hành.
- Một số mặt bằng đang kinh doanh của công ty sẽ phải bị cắt giảm diện tích do nằm trên qui hoạch của các dự án cấp quốc gia như tuyến metro số 2, số 5...

d. Mục tiêu năm 2022

1. Tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng phát triển bền vững.
2. Nâng cao thu nhập cho người lao động đồng thời bảo đảm mức chi trả cổ tức cho cổ đông.
3. Đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới và công nghệ mới.
4. Bảo đảm thông tin quản trị xuyên suốt và bao gồm cả khâu phân tích – dự báo tốt.

e. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và các giải pháp

1. Kế hoạch

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (ALTA) năm 2022 với phương châm hành động chung là: **“An toàn - Phát triển - Hiệu quả”**; không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại; đầu tư chiều sâu để tạo ra các chuỗi sản phẩm và chuỗi giá trị gia tăng trên nền tảng sản xuất kinh doanh hiện nay; nâng cao năng suất, chất lượng lao động và năng lực cạnh tranh... nhằm thúc đẩy hoạt động vận doanh đạt kết quả tối ưu theo nội dung mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu như sau :

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD, tiếp tục tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-19;
- Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022;
- Tập trung đẩy mạnh hoạt động SXKD cốt lõi, trong đó tập trung phát triển các sản phẩm công nghệ sáng tạo; đầu tư mới, nâng cấp theo hướng hiện đại và tự động hóa hệ thống MMTB hiện hữu;
- Nâng cao hiệu quả SXKD thông qua việc thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ phương pháp quản trị và điều hành vận doanh trên nền tảng công nghệ, sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó quyết tâm triển khai có lộ trình nhận diện thương hiệu Alta trên toàn hệ thống;
- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ công nhân, viên chức đồng thời thực hiện các biện pháp khuyến khích động viên đội ngũ sáng tạo, phát huy năng lực để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra.

2. Các chỉ tiêu tài chính 2022

Đvt : VNĐ

Chỉ tiêu đánh giá kế hoạch	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
Lợi nhuận trước thuế	6.002.383.926	7.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	5.260.993.498	6.040.000.000
Chia cổ tức	6%	8%

3. Chiến lược phát triển kinh doanh và các giải pháp thực hiện

a. Chiến lược phát triển kinh doanh (2022-2027 và Tầm nhìn đến 2032)

Đại dịch COVID-19 kéo dài hơn 2 năm qua đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ đời sống, kinh tế - xã hội trên toàn cầu trong đó có VN, có TP.HCM của chúng ta. Tình hình hiện nay vẫn đang tiếp tục diễn biến rất phức tạp, nghiêm trọng do các biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh và nguy hiểm hơn. Đồng thời, cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, Nước ta đã hình thành chiến lược chuyển sang trạng thái “sống chung với dịch” và đưa ra các giải pháp phát triển kinh tế trong và sau đại dịch, tránh lơ nhịp và giảm cạnh tranh, thu hút đầu tư trong phát triển kinh tế.

Bối cảnh hiện nay đặt ra cho Công ty ALTA yêu cầu và nhiệm vụ cần có các biện pháp chống dịch quyết liệt, kịp thời và hiệu quả để trước hết là bảo vệ sức khỏe, tính mạng và ổn định đời sống của công nhân viên chức. Đồng thời, cần giữ vững và phục hồi hoạt động xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nỗ lực cao nhất không để đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng của thị trường chung đồng thời tìm hướng đi mới để phát triển trong tâm thế lạc quan và tự tin.

Trong kế hoạch SXKD 2022 – 2027 và tầm nhìn đến năm 2032 Công ty ALTA xây dựng một chiến lược hoạt động linh hoạt, cần phải có sự “xoay chuyển” liên tục trong định hướng chiến lược cũng như phương thức thực thi các chiến lược đó. Đảm bảo kế hoạch thích ứng và duy trì hoạt động, xem xét lại chiến lược và mô hình kinh doanh, cũng như xác định vị thế thị trường là điều mà Công ty cần ưu tiên để phát triển trong dài hạn.

b. Các giải pháp thực hiện

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (ALTA) xây dựng chiến lược thích ứng linh hoạt theo ba nhóm giải pháp sau đây:

Nhóm giải pháp đầu tiên: Tập trung quản lý khủng hoảng và quản lý thanh khoản, thiết lập đội phản ứng nhanh để xử lý các vấn đề bất thường phát sinh về an toàn lao động, nguồn cung ứng, nguyên liệu sản xuất. Đây là cách làm hiệu quả có thể áp dụng.

Quản lý thanh khoản yêu cầu Công ty phải cân đối dòng tiền, cắt giảm các khoản chi tiêu chưa cần thiết và theo dõi chặt chẽ công nợ. Các kế hoạch mua sắm tài sản có thể xem xét gác lại và lựa chọn các giải pháp thay thế như đi thuê tài sản để duy trì lượng tiền mặt dự phòng đủ lớn.

Nhóm giải pháp thứ hai: Hướng đến tạo ra những giá trị ngắn hạn thông qua việc rà soát và đưa ra các giải pháp có thể thực hiện ngay để tăng hiệu quả hoạt động và tăng dòng tiền. Các giải pháp có thể bao gồm rà soát lại danh mục đầu tư và bán hoặc thoái vốn thích hợp, phân bổ lại nguồn lực đầu tư nhằm tối ưu hiệu quả, và tối ưu các khoản vay.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng xem xét lại cơ cấu sản phẩm, cơ cấu khách hàng, và chính sách giá; rà soát lại công tác mua sắm và chi phí chuỗi cung ứng, tối ưu thuế và tối ưu vốn lưu động.

Tuy nhiên, những chương trình cắt giảm từ giải pháp này thường không tạo ra các động lực tăng trưởng và phát triển trong dài hạn, thậm chí việc siết chặt chi phí và các nguồn lực quá mức có thể tác động tiêu cực đến khả năng tăng trưởng và phát triển trong tương lai - đẩy doanh nghiệp vào tình thế khó cạnh tranh và dẫn đến một trạng thái khủng hoảng mới sau khủng hoảng; Do đó chúng ta sẽ phải kiểm soát thường trực và chặt chẽ để điều chỉnh kịp thời quá trình thực hiện giải pháp này.

Nhóm giải pháp thứ ba: Công ty cần tập trung vào chiến lược tái định vị, bao gồm cải tổ mô hình kinh doanh, xem xét lại mô hình tăng trưởng, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, và cải tổ phương thức phân phối, nhằm tương tác tốt và hiệu quả hơn với hành vi và nhu cầu khách hàng. Vì đây chính là nội dung cốt lõi trong giai đoạn “bình thường mới”.

Các nhóm giải pháp này có thể thực hiện đơn lẻ hoặc kết hợp, hoặc được sắp xếp ưu tiên thực hiện tùy vào tình hình thực tế và khả năng từ các nguồn lực của doanh nghiệp.

4. Định hướng mục tiêu phát triển Công ty ALTA trong dài hạn:

Thứ nhất, thực ra, rất khó để đưa ra các lựa chọn về xu hướng ở thời điểm này. Tuy nhiên, định hướng nổi bật là Công ty sẽ đề cao hơn tầm quan trọng của việc gia tăng sức chống đỡ trước các hoàn cảnh bất lợi ; Việc này sẽ bao gồm một số nội dung chính như:

Xây dựng các kịch bản ứng phó linh hoạt trong trạng thái chiến lược “sống chung với dịch” đồng thời xem xét sâu và rộng tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh hiện hữu và trong từng thời kỳ ngắn hạn thay vì tập trung chủ yếu vào các yếu tố mang tính chiến lược dài hạn như trước đây.

Chuyển đổi hoặc tái lập chuỗi cung ứng. Ở giai đoạn này, doanh nghiệp sẽ phải kiểm soát tốt hơn sự gia tăng (tiềm ẩn) về chi phí của chuỗi cung ứng đặc biệt kiểm soát các hình thức chi phí ẩn, do việc lựa chọn các nguồn cung đa dạng nhằm tránh tình trạng đứt gãy hoặc không sẵn sàng của chuỗi.

Tăng cường hoặc đa dạng các biện pháp bảo vệ người lao động, đồng thời, áp dụng tự động hóa trong sản xuất để từng bước tiết giảm sự phụ thuộc vào các yếu tố không hiệu quả, trong đó có chi phí nhân công.

Thứ hai, khả năng sẽ có sự hoán đổi vị trí các doanh nghiệp cùng ngành do tác động của đại dịch. Tuy nhiên Công ty ALTA là doanh nghiệp có bảng cân đối tài sản vững mạnh, đội ngũ quản lý tốt, có thể tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư trong giai đoạn hiện nay, sẽ có thể có cơ hội “một lần trong đời” để bứt phá và vươn lên; cơ hội mới nhất thời và ngắn hạn thuộc về những doanh nghiệp có khả năng thích ứng nhanh, linh hoạt và năng động trong thay đổi định hướng kinh doanh và chiến lược.

Thứ ba, “vùng lợi nhuận” sẽ chuyển dịch trong chuỗi giá trị, hướng tới điểm chạm khách hàng (customer touch point). Hoạt động bán lẻ, kênh phân phối truyền thống trở nên ít quan trọng hơn, nhường chỗ cho những nền tảng số (digital platform) và lợi nhuận biên được tạo ra nhiều hơn ở hạ nguồn. Việc tiếp cận và phục vụ người tiêu dùng từ phía doanh nghiệp sản xuất sẽ trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết, tạo điều kiện phát triển cho các doanh nghiệp giao nhận điểm cuối (last-mile delivery).

Thứ tư, việc ứng dụng robot và trí tuệ nhân tạo (AI) trong vận hành chuỗi cung ứng và các chức năng khác của doanh nghiệp, ngày càng trở nên rõ nét; Công ty ALTA tập trung đầu tư phát triển và khai thác hoạt động SXKD theo xu thế thười đại này.

Thứ năm, hoạt động chuyển đổi số được kỳ vọng sẽ tiếp tục gia tăng, dẫn dắt sự liên kết giữa các mô hình kinh doanh truyền thống với nền tảng số. Công ty ALTA trong giai đoạn chiến lược này chúng ta có điều kiện và nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động SXKS, quản trị và điều hành; Thúc đẩy nghiên cứu phát triển các loại hình ứng dụng khoa học công nghệ vào đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội ... Bên cạnh đó, hoạt động M&A chiến lược và đầu tư vào những “doanh nghiệp kỳ lân” khi mà định giá (có thể giảm) được nhìn nhận là hợp lý và hiệu quả; đồng thời thiết lập các dự án đầu tư mới với mục tiêu chăm lo bảo vệ an toàn sức khỏe và đời sống công nhân viên chức, bảo vệ nguồn lực phát triển dài hạn của Công ty.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	Không điều hành
2	Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch	Không điều hành
3	La Thế Nhân	Thành viên	Không điều hành
4	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	Không điều hành
5	Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	Tổng giám đốc

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ chuyên trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm HĐQT có 04 cuộc họp định kỳ và 04 cuộc họp theo yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	HOÀNG VĂN ĐIỀU (Chủ tịch)	8/8	100%
2	LẠI THỊ HỒNG DIỆP (Phó Chủ Tịch)	8/8	100%
3	LA THẾ NHÂN (Thành viên)	8/8	100%
4	NGUYỄN MINH TUẤN (Thành viên)	8/8	100%
5	HOÀNG MINH ANH TÚ (Thành viên)	8/8	100%

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị :

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01-02/NQ-HĐQT-ALT	15/02/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
02	01/03/2021/NQ-HĐQT	17/03/2021	Về việc tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên trực tuyến năm 2021.
03	01/NQĐHCĐ/2021	26/04/2021	Nghị quyết Đại hội Cổ đông trực tuyến thường niên 2021
04	01/08/NQHĐQT/2021	16/08/2021	Phê duyệt Cty Kiểm toán.

d. Đào tạo về quản trị công ty:

Tham dự buổi hội thảo trực tuyến "**Thúc đẩy hoạt động quan hệ với nhà đầu tư/cổ đông**" ngày 9/9/2021 do HOSE tổ chức.

e. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc

- ❖ Hàng quý xem xét báo cáo điều hành và báo cáo tài chính của BGD công ty.
- ❖ Rà soát việc thực thi chiến lược của BGD.
- ❖ Truyền đạt những yêu cầu và mong đợi của HĐQT cho kỳ kinh doanh tới.
- ❖ Kiểm chứng lại mức độ chính xác của các thông tin mà BGD cung cấp.
- ❖ Dự báo rủi ro có thể xảy ra và yêu cầu BGD có biện pháp phòng chống cụ thể.
- ❖ Kiểm tra các hoạt động Kiểm soát nội bộ.
- ❖ Triển khai các hành động phòng chống dịch bệnh CoVid-19 trên toàn Cty.
- ❖ Kiểm tra việc thực hiện “ 3 tại chỗ” trong thời gian phong tỏa phòng dịch CoVid-19 tại Cty.

f. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Các thành viên HĐQT không điều hành cùng tham gia các phiên họp định kỳ bất thường và thực thi trách nhiệm của mình cùng với các TVHĐQT khác.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Thái Thị Phương	Trưởng Ban
2	Lê Quốc Thắng	Thành viên
3	Quách Thị Mai Trang	Thành viên

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
01	Bà THÁI THỊ PHƯƠNG	Trưởng ban	4/4	100%
02	Ông LÊ QUỐC THẮNG	Phó ban	4/4	100%
01	Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG	Thành viên	4/4	100%

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân theo quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát tiến hành các cuộc họp định kỳ vào hàng quý để đánh giá tình hình tài chính, hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và sự phối hợp giữa các bộ phận này. Trong trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, BKS tổ chức các cuộc họp bất thường để thống nhất kịp thời về phương án giải quyết vấn đề nảy sinh. BKS tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và góp ý kiến của mình theo nguyên tắc trình tự của cuộc họp.

c. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, khai thuế hàng tháng, báo cáo tài chính.
- Kiểm tra và xác nhận Báo cáo Tài chính 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành.

d. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Phối hợp với HĐQT-BGD-Các cán bộ quản lý về việc xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Góp ý hoàn thiện việc báo cáo định kỳ của các đơn vị trực thuộc.

3. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BGDĐH và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- Lương thưởng và thù lao của HĐQT, BGĐĐH và BKS thực hiện theo quy chế lương thưởng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và các quy chế về đánh giá hoạt động khác.
- Trong năm 2021, tổng thù lao HĐQT nhận được là 120 triệu đồng và tổng thù lao Ban Kiểm soát nhận được là 40 triệu đồng. Ban giám đốc điều hành nhận lương theo quy chế lương và thỏa thuận lao động với Công ty.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm các thành viên HĐQT không thực hiện mua/bán cổ phiếu.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không phát sinh

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ALT chốt sổ ngày 24/09/2021 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

a. Cổ phần

Vốn điều lệ:	61.725.523.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	6.172.523 cổ phiếu
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu thường:	6.172.523 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	5.736.709 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ:	435.814 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu / VĐL
I	Cổ đông trong nước	447	5.974.870	96,80%
	Cổ đông nhà nước	1	760.211	12,32%
	Cổ đông tổ chức	18	2.081.534	33,72%
	Cổ đông cá nhân	427	2.697.311	43,70%
	Cổ phiếu quỹ	1	435.814	7,06%
II	Cổ đông nước ngoài	30	197.653	3,20%
	Cổ đông tổ chức	6	24.825	0,40%
	Cổ đông cá nhân	24	172.828	2,80%
	Tổng cộng	477	6.172.523	100%

c. Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ/CPBQ
1	Công ty Cổ Phần Địa ốc A.C.B	1.051.244	18,32%
2	Tổng Công Ty LIKSIN	760.211	13,25%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	634.527	11,06%
5	Hoàng Văn Điều	578.860	10,09%
6	Lại Thị Hồng Điệp	355.863	6,20%
6	La Thế Nhân	295.550	5,15%
	Tổng cộng	3.676.255	64,08%

d. Quan hệ cổ đông

Để việc công bố thông tin đến với cổ đông đầy đủ, chính xác, kịp thời, Công ty đã có quy trình về Công bố thông tin nội bộ, hướng dẫn từng bộ phận, cá nhân có liên quan về trình tự và thời gian thực hiện. Ngoài ra, để đảm bảo thông tin đến với cổ đông nhanh chóng, hiệu quả và đúng theo quy định, Công ty đã liên kết với đơn vị tư vấn chuyên môn để đưa ra ý kiến tham khảo. Công tác này không những nhằm tăng sự tương tác giữa công ty và các cổ đông mà còn đối với các nhà đầu tư tiềm năng, tạo sự minh bạch trong hoạt động, gây dựng sự tin tưởng của khách hàng, đối tác.

- Cổ phiếu ALT

Giá trị sổ sách của cổ phiếu ALT tại thời điểm báo cáo

+	Vốn điều lệ	61.725.230.000 đồng
+	Thặng dư vốn cổ phần	137.662.054.443 đồng
+	Cổ phiếu ngân quỹ	(11,666,581,607) đồng
+	Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861 đồng
+	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.140.945.047 đồng
+	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	22.875.163.337 đồng
+	Tổng cộng	214.980.669.081 đồng

Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu 31/12/2021 **36.810 đồng**

- Thị giá của cổ phiếu ALT

Thị giá cổ phiếu ALT trong năm 2021 có mức thấp nhất là 9.900 đồng (05/07/2021) và mức cao nhất là 20.890 đồng (27/12/2021) và đến ngày 31/12/2021 là 20.890 đồng.

Hiện nay với giá trị sổ sách là 36.810 đồng, cổ phiếu ALT vẫn là một trong những cổ phiếu có giá trị sổ sách cao niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội.

e. Việc thực hiện các quy định về quản trị của Công ty

Việc quản trị Công ty được tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty.

Trong năm Công ty đã có những thay đổi để tăng cường hiệu quả quản trị Công ty:

- Phát triển mạnh công tác kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.
- Xây dựng và áp dụng KPI cho việc đánh giá nhân sự khối văn phòng và kinh doanh dịch vụ.
- Xây dựng lại Quy chế quản trị Công ty theo hướng dẫn của Thông tư 116/2020/TT-BTC

IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)

Signature Not Verified



Ký bởi: CÔNG TY CỔ
PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
Ký ngày: 30/3/2022
16:07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-45

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành	
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/07/2021
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/07/2021
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

[Red circular stamp of Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình, Quận Phú, TP. Hồ Chí Minh]

Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2022

Số: 280322.067/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 20 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		155.703.611.540	157.886.368.891
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.012.724.255	14.141.092.873
111	1. Tiền		8.512.724.255	10.641.092.873
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	3.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	64.250.438.708	57.627.341.090
121	1. Chứng khoán kinh doanh		322.120.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		63.928.318.708	57.627.341.090
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.703.475.064	57.525.843.665
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.843.956.682	35.004.502.612
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.949.817.743	19.071.495.876
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.200.000.000	400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	917.193.865	3.049.845.177
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(207.493.226)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	24.529.027.090	27.017.633.983
141	1. Hàng tồn kho		24.529.027.090	27.017.633.983
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		207.946.423	1.574.457.280
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	151.984.458	266.804.043
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.307.653.237
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	55.961.965	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		120.871.594.702	134.609.249.354
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.740.924.760	5.786.024.760
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5.500.000.000	5.500.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	240.924.760	286.024.760
220	II. Tài sản cố định		61.104.801.059	37.413.939.665
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	56.499.825.460	32.419.201.850
222	- Nguyên giá		178.382.397.421	148.688.241.374
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(121.882.571.961)	(116.269.039.524)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	795.009.800	1.035.361.600
225	- Nguyên giá		1.109.316.000	1.109.316.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(314.306.200)	(73.954.400)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	3.809.965.799	3.959.376.215
228	- Nguyên giá		6.943.530.397	6.943.530.397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.133.564.598)	(2.984.154.182)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN DÀI HẠN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	15	26.651.045.727	27.447.498.811
231	- Nguyên giá		51.544.546.189	52.456.972.189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.893.500.462)	(25.009.473.378)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	4.442.853.634	40.964.167.257
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.442.853.634	40.964.167.257
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20.922.350.421	20.080.374.127
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.262.651.221	19.920.674.927
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		659.699.200	159.699.200
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.009.619.101	2.917.244.734
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	2.009.619.101	2.917.244.734
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		276.575.206.242	292.495.618.245

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		61.594.537.161	78.760.246.362
310	I. Nợ ngắn hạn		58.763.766.380	73.442.233.326
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	14.192.167.257	16.419.191.598
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.332.561.448	4.557.342.302
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	1.237.238.867	1.085.934.190
314	4. Phải trả người lao động		9.252.294.834	5.738.422.165
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.008.725	3.146.175
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	11.893.954.417	28.776.488.335
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	20.135.635.057	16.129.223.423
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		718.905.775	732.485.138
330	II. Nợ dài hạn		2.830.770.781	5.318.013.036
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	2.830.770.781	5.318.013.036
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		214.980.669.081	213.735.371.883
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	214.980.669.081	213.735.371.883
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>61.725.230.000</i>	<i>61.725.230.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.875.163.337	21.629.866.139
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		<i>17.614.169.839</i>	<i>17.540.743.549</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>5.260.993.498</i>	<i>4.089.122.590</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		276.575.206.242	292.495.618.245

Muu

Muu



Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	224.346.045.177	192.518.425.441
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.381.669.227	96.873.820
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		222.964.375.950	192.421.551.621
11	4. Giá vốn hàng bán	26	184.206.551.660	165.876.816.600
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.757.824.290	26.544.735.021
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	3.087.613.001	4.923.847.719
22	7. Chi phí tài chính	28	2.151.747.620	1.079.907.362
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.270.337.720	673.647.525
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		341.976.294	1.186.570.303
25	9. Chi phí bán hàng	29	11.820.929.605	9.714.854.083
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	20.751.335.506	16.845.306.861
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.463.400.854	5.015.084.737
31	12. Thu nhập khác		98.762.211	2.168.720.115
32	13. Chi phí khác	31	1.559.779.139	1.897.890.304
40	14. Lợi nhuận khác		(1.461.016.928)	270.829.811
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.002.383.926	5.285.914.548
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	741.390.428	1.197.138.004
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.260.993.498	4.088.776.544
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		5.260.993.498	4.088.776.544
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	917	713







Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.002.383.926	5.285.914.548
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.862.425.134	14.289.526.272
03	- Các khoản dự phòng		207.493.226	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(55.845.021)	(53.419.710)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.615.123.864)	(4.256.524.834)
06	- Chi phí lãi vay		1.270.337.720	673.647.525
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.671.671.121	15.939.143.801
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.407.015.928	(14.289.284.393)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.488.606.893	5.012.896.375
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		3.839.363.526	30.743.307.856
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.023.160.488	7.180.017.908
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(322.120.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.272.475.170)	(670.501.350)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.485.485.293)	(1.521.795.271)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	100.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.579.363)	(179.951.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.336.158.130	42.213.933.926
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(25.486.912.358)	(39.296.215.278)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34.545.454	134.363.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(65.365.518.708)	(34.603.176.487)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		58.264.541.090	11.422.737.534
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(500.000.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.097.017.944	3.808.112.839
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.956.326.578)	(58.534.177.756)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		57.090.891.519	62.301.971.733
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(55.394.231.580)	(43.623.955.339)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(177.490.560)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.015.323.420)	(5.565.227.974)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.496.154.041)	13.112.788.420

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.116.322.489)	(3.207.455.410)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.141.092.873	17.337.673.823
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(12.046.129)	10.874.460
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>11.012.724.255</u>	<u>14.141.092.873</u>





Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 305 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 415 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Ấu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Ấu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Ấu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ thông tin

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 06	năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
--------------------------	---------	-----

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 098/HĐHTKD ngày 22/07/2020 giữa Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc và Công ty CP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tài sản hợp tác: Hệ thống trình diễn màn hình nước, hệ thống trình chiếu Laser, hệ thống âm thanh, nội dung trình chiếu trên màn hình nước, hệ thống nhạc nước, hệ thống ánh sáng các photobooth cùng nhân sự vận hành, nhằm trình diễn phục vụ cho khách tham quan tại Công Viên Văn Hoá Đầm Sen. Giá trị đầu tư Hệ thống là 55.103.000.000 đồng (căn cứ theo chứng thư thẩm định số 9719.0481 / CT - BTCVALUE do Công ty Cổ Phần Thẩm Định Giá BTCValue phát hành ngày 11 tháng 11 năm 2019);
- + Phạm vi hợp tác: Các Bên cùng nhau hợp tác kinh doanh, điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh, quảng cáo sản phẩm tại Công Viên Văn Hóa Đầm Sen để cùng tăng lượng khách tham quan, phát sinh doanh thu và phân chia doanh thu thu được;
- + Thời gian hợp tác: 7 năm tính từ ngày Hệ thống được nghiệm thu đưa vào hoạt động chính thức;
- + Hình thức hợp tác: Tài sản đồng kiểm soát.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty phải bán ra ngay sau khi mua lại đối với các cổ phiếu sau:

- Cổ phiếu mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ;
- Cổ phiếu lẻ mua lại theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Cổ phiếu lô lẻ mua lại theo yêu cầu của cổ đông.

b) Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý cổ phiếu quỹ đã mua từ trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước đây được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	104.806.720	1.467.004.332
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.407.917.535	9.174.088.541
Các khoản tương đương tiền ^(*)	2.500.000.000	3.500.000.000
	<u>11.012.724.255</u>	<u>14.141.092.873</u>

^(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,1%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	63.928.318.708	-	57.627.341.090	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	63.928.318.708	-	57.627.341.090	-
	63.928.318.708	-	57.627.341.090	-

Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư tài chính nắm giữ tới ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 15 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 6,7%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	322.120.000	321.225.000	-	-
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa chất</i>				
<i>Đức Giang (Mã CK: DGC)</i>	101.100.000	95.940.000	-	-
<i>Cổ phiếu khác</i>	221.020.000	225.285.000	-	-
	322.120.000	321.225.000	-	-

Các khoản đầu tư được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của các cổ phiếu trên sàn UpCOM, HNX HOSE tại ngày 31/12/2021.

c) Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 19.920.674.927 đồng và 20.262.651.221 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác	659.699.200	684.068.013	-	159.699.200
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) (*)	100.199.200	-	-	100.199.200
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu)	59.500.000	-	-	59.500.000
- Chứng chỉ Quỹ đầu tư cổ phiếu Hung Thịnh (VEOF) (**)	500.000.000	684.068.013	-	-
	659.699.200	684.068.013	-	159.699.200
				185.673.600
				Dự phòng VND
				-

(*) Khoản đầu tư được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020;

(**) Khoản đầu tư được xác định giá trị hợp lý theo giá trị tài sản ròng tại Báo cáo giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2021;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh	6.260.403.822	-	4.465.699.150	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	4.078.790.955	-	3.881.887.028	-
Phải thu khách hàng khác	25.504.761.905	(207.493.226)	26.656.916.434	-
	<u>35.843.956.682</u>	<u>(207.493.226)</u>	<u>35.004.502.612</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	-	-	136.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	4.783.380.981	-	4.783.380.981	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	8.028.773.896	-	5.734.144.869	-
Công Ty Cổ Phần Novareal	2.176.887.706	-	789.679.574	-
Twt Applied Technology And Services Pte.,	2.066.535.394	-	2.711.873.954	-
Trả trước cho người bán khác	894.239.766	-	5.052.416.498	-
	<u>17.949.817.743</u>	<u>-</u>	<u>19.071.495.876</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Trường Trung học Cơ sở Và Trung học Phổ thông Nhân Văn ⁽¹⁾	400.000.000	-	400.000.000	-
Bà Đào Thị Chen ⁽²⁾	800.000.000	-	-	-
	<u>1.200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>400.000.000</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc ⁽³⁾	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
	<u>5.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>5.500.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	<u>5.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>5.500.000.000</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp Đồng Cho Vay Vốn số 01/05/2019 HDCVV ngày 27/05/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 29/05/2021 giữa Công ty và Trường THCS và THPT Nhân Văn với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động thường xuyên;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 400.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(2) Hợp đồng cho vay vốn số 01/04/2021/HĐCVV và phụ lục Hợp đồng ngày 23/08/2021 được ký kết giữa Công ty và bà Đào Thị Chen với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 800.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến ngày 31/12/2022;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 800.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 10.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.500.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	752.000.000	-	752.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	1.425.920.379	-
Ký cược, ký quỹ Ông Hoàng Minh Anh Tú	35.343.000	-	-	-
Phải thu khác	129.850.865	-	101.924.798	-
	<u>917.193.865</u>	<u>-</u>	<u>3.049.845.177</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	240.924.760	-	286.024.760	-
	<u>240.924.760</u>	<u>-</u>	<u>286.024.760</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>752.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.522.000.000</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

9 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	100.346.747	-	100.346.747	100.346.747
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhân Văn	35.345.200	-	35.345.200	35.345.200
- Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ 1	19.426.500	-	19.426.500	19.426.500
- Đối tượng khác	52.374.779	-	52.374.779	52.374.779
	<u>207.493.226</u>	<u>-</u>	<u>207.493.226</u>	<u>207.493.226</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.782.377.675	-	11.321.864.561	-
Công cụ, dụng cụ	1.201.091.280	-	271.759.051	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.597.916.245	-	3.246.151.979	-
Thành phẩm	13.361.845.418	-	11.531.170.412	-
Hàng hoá	585.796.472	-	646.687.980	-
	24.529.027.090	-	27.017.633.983	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	36.795.570.660
- Dự án đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời	-	7.290.473.693
- Dự án Công trình nhạc nước Đầm Sen	-	29.505.096.967
Mua sắm tài sản cố định	3.214.358.106	2.939.385.799
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 (*)	2.690.358.106	2.690.358.106
- Hệ thống màn hình LED	524.000.000	-
- Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất Công ty Nhựa Âu Lạc	-	249.027.693
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.228.495.528	1.229.210.798
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng	814.989.978	882.385.560
- Chi phí sửa chữa trung tâm Unique	-	346.825.238
- Sửa chữa máy móc thiết bị	413.505.550	-
	4.442.853.634	40.964.167.257

(*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2021, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	33.228.231.267	93.788.239.926	16.003.584.403	5.337.974.342	330.211.436	148.688.241.374						
- Mua trong năm	-	1.911.282.591	-	-	-	1.911.282.591						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.536.807.960	24.741.238.342	-	-	-	38.278.046.302						
- Thanh lý, nhượng bán	(2.274.013.827)	(7.297.139.019)	(924.020.000)	-	-	(10.495.172.846)						
Số dư cuối năm	44.491.025.400	113.143.621.840	15.079.564.403	5.337.974.342	330.211.436	178.382.397.421						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	23.410.649.242	77.382.154.208	10.131.136.420	5.110.581.474	234.518.180	116.269.039.524						
- Khấu hao trong năm	5.887.973.442	7.237.410.148	1.264.077.176	227.392.868	59.356.200	14.676.209.834						
- Thanh lý, nhượng bán	(1.885.787.088)	(6.252.870.309)	(924.020.000)	-	-	(9.062.677.397)						
Số dư cuối năm	27.412.835.596	78.366.694.047	10.471.193.596	5.337.974.342	293.874.380	121.882.571.961						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	9.817.582.025	16.406.085.718	5.872.447.983	227.392.868	95.693.256	32.419.201.850						
Tại ngày cuối năm	17.078.189.804	34.776.927.793	4.608.370.807	-	36.337.056	56.499.825.460						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.779.167.894 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.914.397.408 đồng.

13 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuế tài chính của Công ty là hệ thống bộ tấm năng lượng mặt trời và các thiết bị kèm theo có nguyên giá là 1.109.316.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tới thời điểm 31/12/2021 là 314.306.200 đồng, khấu hao trong năm là 240.351.800 đồng.



14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	705.645.304	6.943.530.397
Số dư cuối năm	<u>6.237.885.093</u>	<u>705.645.304</u>	<u>6.943.530.397</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.278.508.878	705.645.304	2.984.154.182
- Khấu hao trong năm	149.410.416	-	149.410.416
Số dư cuối năm	<u>2.427.919.294</u>	<u>705.645.304</u>	<u>3.133.564.598</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.959.376.215	-	3.959.376.215
Tại ngày cuối năm	<u>3.809.965.799</u>	-	<u>3.809.965.799</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 705.645.304 đồng.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Tòa nhà Alta Plaza
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	52.456.972.189
- Thanh lý, nhượng bán	(912.426.000)
Số dư cuối năm	<u>51.544.546.189</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	25.009.473.378
- Khấu hao trong năm	796.453.084
- Thanh lý, nhượng bán	(912.426.000)
Số dư cuối năm	<u>24.893.500.462</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>27.447.498.811</u>
Tại ngày cuối năm	<u>26.651.045.727</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê. Trong năm Công ty có thanh lý Thiết bị thuộc tòa nhà, hệ thống này đã hết khấu hao.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	974.727.108	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	593.371.392	125.432.999
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	369.480.371	2.782.482.619
Chi phí trả trước dài hạn khác	72.040.230	9.329.116
	<u>2.009.619.101</u>	<u>2.917.244.734</u>

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				-
Công ty TNHH Thương mại Han Huy	3.535.466.000	3.535.466.000	-	-
Công ty Cổ phần khoáng sản GGC	2.079.000.000	2.079.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	8.577.701.257	8.577.701.257	16.419.191.598	16.419.191.598
	14.192.167.257	14.192.167.257	16.419.191.598	16.419.191.598

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH trang trí nội thất Bo Tròn	851.208.800	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp truyền thông thương mại T3D Việt Nam	138.600.000	-
Đối tượng khác	342.752.648	4.557.342.302
	1.332.561.448	4.557.342.302

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		257.626.953		11.735.875.636		10.863.243.495		-		1.130.259.094	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		500.531.229		500.531.229		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		740.850.173		741.390.428		1.485.485.293		55.961.965		52.717.273	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		87.457.064		711.465.470		744.660.034		-		54.262.500	
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-		-		61.439.801		61.439.801		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		193.616.631		193.616.631		-		-	
	-		1.085.934.190		13.944.319.195		13.848.976.483		55.961.965		1.237.238.867	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
- Kinh phí công đoàn	50.590.200		56.761.820	
- Bảo hiểm xã hội	65.122.798		-	
- Bảo hiểm y tế	3.551.760		-	
- Bảo hiểm thất nghiệp	789.280		-	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.101.832.872		6.936.832.872	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	88.811.700		88.438.820	
- Quỹ phải trả người lao động	1.073.555.442		1.073.555.442	
- Tiền thưởng Ban điều hành	420.915.454		420.915.454	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	-		19.992.519.991	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.088.784.911		207.463.936	
	11.893.954.417		28.776.488.335	
	2.000.000.000		-	

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

CÔNG TY CỔ PHẦN VÁN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình ⁽¹⁾	14.903.154.422	14.903.154.422	52.248.355.156	48.041.689.886	19.109.819.692	19.109.819.692
- Nam - CN Tân Bình ⁽¹⁾	12.103.154.422	12.103.154.422	31.838.355.156	28.961.689.886	14.979.819.692	14.979.819.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	2.800.000.000	2.800.000.000	20.410.000.000	19.080.000.000	4.130.000.000	4.130.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.226.069.001	1.226.069.001	862.116.924	1.062.370.560	1.025.815.365	1.025.815.365
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình ⁽³⁾	1.048.578.441	1.048.578.441	684.626.364	884.880.000	848.324.805	848.324.805
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả ⁽⁴⁾	177.490.560	177.490.560	177.490.560	177.490.560	177.490.560	177.490.560
	16.129.223.423	16.129.223.423	53.110.472.080	49.104.060.446	20.135.635.057	20.135.635.057
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình ⁽³⁾	5.730.583.637	3.637.463.637	4.842.536.363	7.352.541.694	3.220.578.306	3.220.578.306
- Nợ thuê tài chính dài hạn ⁽⁴⁾	813.498.400	-	-	177.490.560	636.007.840	636.007.840
	6.544.082.037	3.637.463.637	4.842.536.363	7.530.032.254	3.856.586.146	3.856.586.146
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.226.069.001)	(1.226.069.001)	(862.116.924)	(1.062.370.560)	(1.025.815.365)	(1.025.815.365)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	5.318.013.036	5.318.013.036			2.830.770.781	2.830.770.781

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm hai hợp đồng

a) Hợp đồng tín dụng số 467/TBN-KDN/21NH ngày 12/05/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 13.445.718.275 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

b) Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 815/TBN-KDN/21NH ngày 23/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 VND (Tám tỷ đồng chẵn);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh phát hành L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 23/08/2022;
- + Lãi suất cho vay: Phụ thuộc vào từng giấy nhận nợ. Tại ngày 31/12/2021, lãi suất cho vay là 6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.534.101.417;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được bảo đảm bằng các khoản tiền ký quỹ của Công ty tại VCB. Tại ngày 31/12/2021, khoản tiền gửi có giá trị 1.500.000.000 VND được làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.DN.2407.050321 ngày 05 tháng 03 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay: 23.000.000.000 đồng. Hạn mức bảo lãnh bằng các hình thức bảo lãnh: 750.000 USD;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành L/C các loại;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ. Tại thời điểm hiện tại là 6,5%/năm và 6,6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.130.000.000 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(3) Hợp đồng vay vốn dài hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình gồm 03 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số 1367/TBN-KDN/20DH ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 8.480.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại Lô II-3, Nhóm Công Nghiệp II, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.448.338.306 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 527.239.091 VND;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- (ii) Hợp đồng tín dụng số 784/TBN-KDN/20DH ngày 11/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 750.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 589.800.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 106.800.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: 02 Xe ô tô tải Isuzu QKR77FE4 và NMR85HE4 hình thành từ vốn vay.
- (iii) Hợp đồng tín dụng số 926/TBN-KDN/20DH ngày 03/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.500.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.182.440.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 214.285.714 đồng;
 - + Hình thức đảm bảo: 01 Xe Ford Ranger Wildtrack Biturbo bán tải và 02 xe Isuzu hình thành từ vốn vay.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

- (4) Hợp đồng thuê tài chính số B200410902 ngày 22/05/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Loại tài sản: hệ thống năng lượng mặt trời;
 - + Tổng giá trị nợ gốc: 976.198.080 đồng;
 - + Thời hạn thuê: 60 tháng;
 - + Lãi suất: 9,54%;
 - + Số dư nợ gốc còn phải trả: 636.007.840 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 177.490.560 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư đầu năm trước	61.725.230.000		137.662.054.443		2.140.945.047		(11.666.581.607)		2.243.857.861		23.251.764.905		215.357.270.649
Lãi trong năm trước	-		-		-		-		-		4.088.776.544		4.088.776.544
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-		-		(5.583.103.554)		(5.583.103.554)
Phạt và truy thu thuế năm 2019	-		-		-		-		-		(127.571.756)		(127.571.756)
Số dư cuối năm trước	61.725.230.000		137.662.054.443		2.140.945.047		(11.666.581.607)		2.243.857.861		21.629.866.139		213.735.371.883
Số dư đầu năm nay	61.725.230.000		137.662.054.443		2.140.945.047		(11.666.581.607)		2.243.857.861		21.629.866.139		213.735.371.883
Lãi/lỗ trong năm nay	-		-		-		-		-		5.260.993.498		5.260.993.498
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-		-		(4.015.696.300)		(4.015.696.300)
Số dư cuối năm nay	61.725.230.000		137.662.054.443		2.140.945.047		(11.666.581.607)		2.243.857.861		22.875.163.337		214.980.669.081

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ/2021 ngày 26 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận

	Tại công ty mẹ	Cuối năm	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Tỷ lệ (%)
	VND	VND		VND	
Chi trả cổ tức (bảng 7% vốn điều lệ)	4.015.696.300		17,03%	10.512.440.000	17,03%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	1.238.487.898			7.602.110.000	12,32%

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Tỷ lệ (%)
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	10.512.440.000	17,03%	10.512.440.000	17,03%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bi Liksin - TNHH MTV	7.602.110.000	12,32%	7.602.110.000	12,32%
Ông Hoàng Văn Điều	5.788.600.000	9,38%	5.788.600.000	9,38%
Bà Lại Thị Hồng Diệp	3.558.630.000	5,77%	3.558.630.000	5,77%
Ông La Thế Nhân	2.955.500.000	4,79%	2.955.500.000	4,79%
Các cổ đông khác	26.949.810.000	43,66%	26.949.810.000	43,66%
Cổ phiếu quỹ	4.358.140.000	7,06%	4.358.140.000	7,06%
	61.725.230.000	100%	61.725.230.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	61.725.230.000	61.725.230.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	61.725.230.000	61.725.230.000
Cổ tức, lợi nhuận tại Công ty mẹ:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	88.438.820	70.563.240
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	4.015.696.300	5.583.103.554
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.015.696.300	5.583.103.554
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền tại công ty mẹ</i>	(4.015.323.420)	(5.565.227.974)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước tại công ty mẹ</i>	(4.015.323.420)	(5.565.227.974)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<u>88.811.700</u>	<u>88.438.820</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.736.709	5.736.709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	<u>2.243.857.861</u>	<u>2.243.857.861</u>

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng, mặt bằng theo hợp đồng cho thuê hoạt động

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty được Nhà nước cho thuê một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	714,69	7.994,70

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sen Việt	44.911.543	44.911.543
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26.000.000	26.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	27.918.805.551	13.248.708.797
Doanh thu bán thành phẩm	132.605.451.402	142.797.771.213
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.821.788.224	36.471.945.431
	224.346.045.177	192.518.425.441
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	5.500.000	10.022.727

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	32.416.769	-
Hàng bán bị trả lại	150.220.200	70.838.940
Giảm giá hàng bán	1.199.032.258	26.034.880
	1.381.669.227	96.873.820

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.607.475.320	12.806.942.021
Giá vốn của thành phẩm đã bán	117.482.317.883	119.156.095.073
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.116.758.457	33.913.779.506
	184.206.551.660	165.876.816.600

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.670.497.565	4.858.033.218
Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	360.670.415	12.394.791
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	55.845.021	53.419.710
	3.087.613.001	4.923.847.719
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	447.864.000	558.146.000

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.270.337.720	673.647.525
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	878.002.147	406.259.837
Chi phí tài chính khác	3.407.753	-
	2.151.747.620	1.079.907.362

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.742.042.094	4.012.029.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.461.908	191.594.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.663.811.511	3.766.199.991
Chi phí khác bằng tiền	3.142.614.092	1.745.030.504
	11.820.929.605	9.714.854.083

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	300.749.063	214.067.188
Chi phí nhân công	11.485.496.286	9.122.319.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.200.492.803	2.134.643.559
Thuế, phí, lệ phí	109.973.416	99.853.410
Chi phí dự phòng	207.493.226	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.651.093.447	2.668.332.675
Chi phí khác bằng tiền	3.796.037.265	2.606.090.794
	20.751.335.506	16.845.306.861

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.432.495.449	1.788.078.687
Chi phí khác	127.283.690	109.811.617
	1.559.779.139	1.897.890.304

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	642.142.273	22.666.562
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	99.248.155	1.174.471.442
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>741.390.428</u>	<u>1.197.138.004</u>

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.260.993.498	4.088.776.544
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.260.993.498	4.088.776.544
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.736.709	5.736.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>917</u>	<u>713</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.094.336.506	82.654.194.760
Chi phí nhân công	45.359.745.960	41.502.586.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.862.425.134	14.289.526.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.839.579.611	32.720.035.009
Chi phí khác bằng tiền	10.990.200.286	7.232.880.960
	<u>196.146.287.497</u>	<u>178.399.223.378</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.012.724.255	-	14.141.092.873	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.002.075.307	(207.493.226)	38.340.372.549	-
Các khoản cho vay	70.628.318.708	-	63.527.341.090	-
Đầu tư ngắn hạn	322.120.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	600.199.200	-	100.199.200	-
	119.565.437.470	(207.493.226)	116.109.005.712	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	22.966.405.838	21.447.236.459
Phải trả người bán, phải trả khác	26.086.121.674	45.195.679.933
Chi phí phải trả	1.008.725	3.146.175
	49.053.536.237	66.646.062.567

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	322.120.000	-	-	322.120.000
Đầu tư dài hạn	-	600.199.200	-	600.199.200
	<u>322.120.000</u>	<u>600.199.200</u>	<u>-</u>	<u>922.319.200</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	100.199.200	-	100.199.200
	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.012.724.255	-	-	11.012.724.255
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.553.657.321	240.924.760	-	36.794.582.081
Các khoản cho vay	65.128.318.708	5.500.000.000	-	70.628.318.708
	<u>112.694.700.284</u>	<u>5.740.924.760</u>	<u>-</u>	<u>118.435.625.044</u>

Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.141.092.873	-	-	14.141.092.873
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.054.347.789	286.024.760	-	38.340.372.549
Các khoản cho vay	58.027.341.090	5.500.000.000	-	63.527.341.090
	<u>110.222.781.752</u>	<u>5.786.024.760</u>	<u>-</u>	<u>116.008.806.512</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	20.135.635.057	2.830.770.781	-	22.966.405.838
Phải trả người bán, phải trả khác	26.086.121.674	-	-	26.086.121.674
Chi phí phải trả	1.008.725	-	-	1.008.725
	<u>46.222.765.456</u>	<u>2.830.770.781</u>	<u>-</u>	<u>49.053.536.237</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	16.129.223.423	5.318.013.036	-	21.447.236.459
Phải trả người bán, phải trả khác	45.195.679.933	-	-	45.195.679.933
Chi phí phải trả	3.146.175	-	-	3.146.175
	<u>61.328.049.531</u>	<u>5.318.013.036</u>	<u>-</u>	<u>66.646.062.567</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	159.142.587.726	63.821.788.224	222.964.375.950
Chi phí bộ phận trực tiếp	139.089.793.203	45.116.758.457	184.206.551.660
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.052.794.523	18.705.029.767	38.757.824.290
Tổng chi phí mua TSCĐ	25.486.912.358	-	25.486.912.358
Tài sản bộ phận trực tiếp	182.474.248.909	73.178.606.912	255.652.855.821
Tài sản không phân bổ	-	-	20.922.350.421
Tổng tài sản	182.474.248.909	73.178.606.912	276.575.206.242
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	43.450.463.631	17.425.167.755	60.875.631.386
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	718.905.775
Tổng nợ phải trả	43.450.463.631	17.425.167.755	61.594.537.161

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng
Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch HĐQT
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc ngày 15/07/2021)
Ông La Thế Nhân	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/07/2021)

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu	5.500.000	10.022.727
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	5.500.000	10.022.727
Tiền lãi cho vay	447.864.000	558.146.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	447.864.000	558.146.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	136.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	-	136.000.000
Phải thu về cho vay	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	5.500.000.000	5.500.000.000
Phải thu khác	752.000.000	1.522.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	752.000.000	752.000.000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	-	770.000.000
Phải trả khác	2.000.000.000	-
Ông Hoàng Minh Anh Tài	500.000.000	-
Bà Trần Thị Huệ	1.500.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập và thù lao của các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cụ thể như sau:	1.831.723.820	2.161.458.173
Ông Hoàng Văn Điều	301.409.000	383.595.500
Bà Lại Thị Hồng Diệp	301.841.000	391.993.917
Ông La Thế Nhân	20.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuấn	20.000.000	40.000.000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	625.519.900	740.062.756
Ông Hoàng Minh Anh Tài	265.987.920	260.405.000
Bà Trần Thị Huệ	296.966.000	295.401.000

Ngoài các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

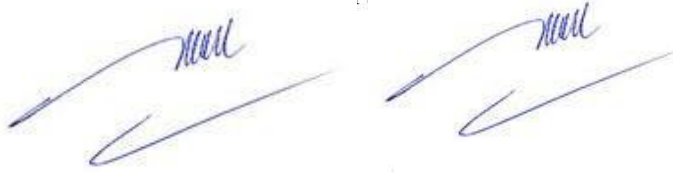
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đi



Nguyễn Thị 2
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc



X. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ những đòi hỏi phải minh bạch các hoạt động đóng góp cho môi trường, cộng đồng và xã hội – ALTA xây dựng báo cáo phát triển bền vững của công ty trên cơ sở thấu hiểu trách nhiệm và sứ mạng của mình với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết.

Trong những năm vừa qua sản phẩm của ALTA luôn hướng đến môi trường và xã hội đồng thời tạo ảnh hưởng đến xu hướng tiêu dùng thân thiện và văn minh.

Trên cơ sở xác định mục tiêu phát triển bền vững, công ty công bố phần báo cáo này như một công cụ để giải trình và cam kết trách nhiệm với các bên có liên quan.

Do tầm mức và qui mô hoạt động, công ty xây dựng phần báo cáo phát triển bền vững tích hợp trong Báo cáo thường niên với các nội dung liên quan tới phát triển bền vững bao gồm: quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương, báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh và trách nhiệm quản trị.

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở Tài liệu hướng dẫn Công bố thông tin về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội tháng 10 năm 2016.

Tất cả để gửi đến các Cổ đông, các Nhà đầu tư một cái nhìn toàn diện về sự phát triển và đóng góp của công ty cho các nhu cầu chung của môi trường, cộng đồng và xã hội.

1. Cam kết của Ban lãnh đạo

Chính sách chất lượng của ALTA đã nêu rõ những nội dung chủ yếu sau:

Bảo đảm chất lượng sản phẩm:

- Xây dựng – duy trì và liên tục cải tiến hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Cam kết tạo ra sản phẩm chất lượng bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
- Kiểm soát nghiêm túc các quy trình sản xuất và dịch vụ để gia tăng uy tín thương hiệu và bảo đảm hiệu quả vận doanh.

Tích cực bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ và thực hiện các qui định về bảo vệ môi trường, giảm thiểu tối đa tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ.
- Sử dụng tài nguyên và năng lượng theo hướng thực sự cần thiết và tiết kiệm đồng thời giảm thiểu lãng phí có tính đến phương án tái chế, tái sử dụng.

Phát triển nguồn nhân lực:

- Cung cấp môi trường làm việc thuận lợi, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn lao động cho mọi thành viên.
- Đào tạo hoàn thiện kỹ năng và phát triển nghề nghiệp đồng thời tăng cường phúc lợi cho người lao động.

Thực hiện trách nhiệm xã hội:

- Xác định trách nhiệm xã hội của Công Ty đối với cộng đồng xã hội và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của mọi thành viên xã hội.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển mối quan hệ nhân sự trong cộng đồng công ty trên tinh thần đoàn kết, hợp tác, chủ động và sáng tạo nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho công việc.

2. Quá trình tiến đến phát triển bền vững

- Năm 1993, công ty đã liên doanh với đối tác Đài Loan để sản xuất đầu tiên tại Việt Nam mặt hàng khăn giấy ướt thơm Luxta sử dụng một lần góp phần bảo vệ môi trường.
- Năm 2000, công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt nam đã sản xuất Hạt màu chủ (masterbatch) – một nguyên liệu nhựa thân thiện môi trường để thay thế bột màu độc hại trong thành phần sản phẩm nhựa tiêu dùng.
- Năm 2002, công ty là doanh nghiệp đầu tiên sản xuất bao bì tự hủy thân thiện với môi trường để xuất khẩu sang Châu Âu, Châu Úc.
- Năm 2005, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đến tham quan dây chuyền sản xuất bao bì tự phân hủy của Công ty và đề nghị sản xuất và phân phối rộng sản phẩm đến thị trường trong nước.
- Năm 2006, ALTA đã đạt Danh hiệu “ DOANH NGHIỆP UY TÍN –CHẤT LƯỢNG NĂM 2006 “do Mạng Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng trên cơ sở ý kiến bình chọn của người tiêu dùng .

- Năm 2007, ALTA cũng đạt giải ba “DOANH NGHIỆP XANH” lần 1 năm 2006 do UBND TP.HCM trao tặng ngày 01-02-2007.
Giải thưởng này nhằm biểu dương, tôn vinh những doanh nghiệp tiêu biểu có ý thức và hoạt động hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực cho phong trào bảo vệ môi trường cùng cộng đồng; cố gắng xóa bỏ rào cản “xanh” để tạo thêm cơ hội xâm nhập thị trường thương mại thế giới, nhất là khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
- Năm 2009, công ty sản xuất sản phẩm bao bì nhựa tự hủy ARO sử dụng trong gia đình và được siêu thị Metro đặt làm nhãn hàng riêng.
- Năm 2012, sản phẩm bao bì nhựa phân hủy sinh học và bao bì nhựa Alta được Bộ Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện môi trường.
- Năm 2014, công ty được UBND TP HCM khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường - đạt giải thưởng Môi trường Tp.HCM năm 2014.
- Năm 2015, công ty được Sở Tài Nguyên Môi trường TP HCM khen thưởng về thành tích xuất sắc trong Chương trình Giảm sử dụng túi ni-lông trên địa bàn tp. HCM.
- Năm 2016, công ty được HEPZA trao danh hiệu “Doanh nghiệp Khu công nghiệp Tp HCM tiêu biểu”
- Năm 2016 công ty đã đưa vào thị trường 2 nhãn hiệu Khăn trải đa năng NEAT và Túi rác có hương OXO.
- Năm 2017 công ty Alta Plastic (công ty con 100% vốn của ALTA) được Sở Tài Nguyên Môi Trường tặng giấy khen đã có đóng góp tích cực cho Chương trình Ngày hội Tái chế chất thải giai đoạn 10 năm (2008 – 2017).
- Năm 2018 công ty ALTA PLASTIC đã tham gia và hỗ trợ chương trình “Ngày hội sống xanh TP.HCM NĂM 2018” do sở Tài Nguyên và Môi trường tổ chức vào ngày 03/06/2018 tại công viên Lê Văn Tám.
- Năm 2019 công ty ALTA PLASTIC đã tham gia và hỗ trợ chương trình “Ngày hội sống xanh TP.HCM NĂM 2019” do sở Tài Nguyên và Môi trường tổ chức vào ngày 02/06/2019 tại công viên Lê Văn Tám.

3. Vị thế hiện tại của công ty trong hành trình phát triển bền vững

- Trước đây công ty ALTA do yêu cầu của khách hàng nước ngoài đã sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm thân thiện môi trường. Sau đó ý thức được việc cần hành động để bảo vệ môi trường công ty đã phát triển và nhân rộng việc sản xuất và sử dụng các sản phẩm này tại thị trường nội địa với slogan
“ HÃY NGHĨ ĐẾN NGÀY MAI”
- Từ năm 2000, công ty đã tiếp cận với khái niệm phát triển bền vững: "Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các nhu cầu hiện tại của con người nhưng không tổn hại tới sự thỏa mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai". (Định nghĩa của Ủy ban Môi trường và Phát triển của Liên Hợp Quốc năm 1987). Công ty đã cho ra đời các sản phẩm như hạt màu chủ masterbatch, bao bì tự hủy, túi đi biển sử dụng một lần, túi vải non woven, khăn giấy ướt Luxta, tấm trải đa năng Neat, Túi rác mùi hương OXO...
- Bên cạnh đó, công ty cũng đã xây dựng, hoàn thiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 với các phiên bản được cập nhật từ năm 2002, áp dụng tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội Bán lẻ Anh quốc BRC (British Retailer Consortium) từ năm 2012.
- Công ty đã xây dựng hình ảnh “DOANH NGHIỆP XANH” trở thành biểu tượng và thương hiệu của ALTA, một doanh nghiệp đầu tiên cổ phần hóa của ngành văn hóa. Các sản phẩm và dịch vụ của công ty ngoài tiêu chuẩn chất lượng, hiện đại còn phải đáp ứng yêu cầu thân thiện và bảo vệ môi trường.
- Từ năm 2006, công ty ALTA trở thành doanh nghiệp ngành văn hóa đầu tiên niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam, việc công bố thông tin minh bạch và chính xác càng tác động đến việc bảo vệ và nâng cao uy tín thương hiệu. Công ty ý thức rằng các yếu tố phi tài chính như môi trường, xã hội và quản trị công ty luôn có ảnh hưởng đến hình ảnh và hiệu quả của công ty. Cổ đông, các nhà đầu tư và khách hàng đã tiếp cận với công ty qua logo màu xanh ALTA quen thuộc

và thân thiện, qua hình ảnh chiếc lá xanh tươi trên các loại bao bì nhựa xuất hiện khắp nơi, qua tính cách thân thiện và nhiệt tình của các thành viên ALTA...

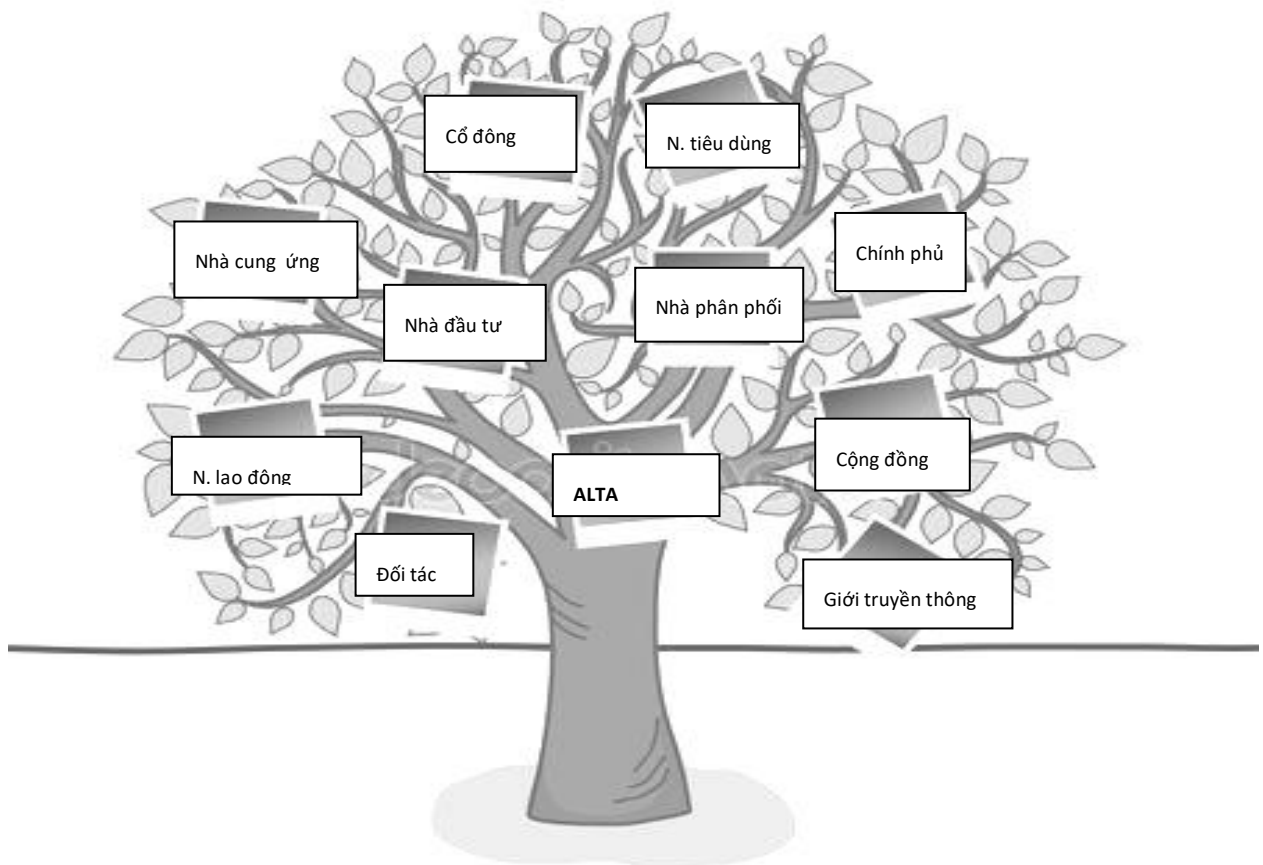
- Từ năm 2016, trong báo cáo thường niên lần đầu tiên công ty ALTA tích hợp phần báo cáo phát triển bền vững để khẳng định và công bố thông tin với cộng đồng về cam kết thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và hoàn thiện quản trị công ty, đem lại lợi ích tốt nhất cho sự tăng trưởng và hạnh phúc của các thành viên ALTA bao gồm cả cổ đông.











4. Xác định trách nhiệm

- Hội đồng Quản trị công ty là cấp lãnh đạo cao nhất có trách nhiệm định hướng cụ thể mục tiêu phát triển bền vững, trên cơ sở đó giám sát quá trình phân tích, tổng hợp và báo cáo bền vững.
- Ban Giám đốc có trách nhiệm xác định các vấn đề trọng yếu, thành lập tổ công tác, giải trình về quá trình lập và tổng hợp báo cáo.
- Các tổ công tác có trách nhiệm thu thập dữ liệu, phân tích vị thế hiện tại và tham vấn các bên liên quan.

Báo cáo bền vững là cam kết của doanh nghiệp sau khi đã nhìn rõ thực tại của mình, lắng nghe trong đối thoại trung thực với các bên liên quan và cuối cùng là trách nhiệm cải tiến liên tục.

5. Mối quan hệ với các bên liên quan



Các bên liên quan		Alta làm sao biết?	Họ cần gì?	Alta cam kết
1. Cổ đông		Đại hội cổ đông Website Alta	Cổ tức tốt Doanh nghiệp phát triển.	Nâng cao hiệu quả - Sinh lợi tối ưu - Phát triển DN theo hướng ổn định và bền vững - Thông tin minh bạch.
2. Nhà đầu tư		Thu thập thông tin Website Alta	Biết được tình hình sinh lợi. Hướng phát triển tốt	Nâng cao hiệu quả - Sinh lợi tối ưu - Phát triển DN theo hướng ổn định và bền vững - Thông tin minh bạch.
3. Người tiêu dùng		Thu thập thông tin từ các kênh: bán hàng, online....	Hàng hóa, dịch vụ an toàn, chất lượng tốt, giá hợp lý	Nâng cao uy tín thương hiệu - sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt, bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
4. Nhà phân phối		Gặp gỡ trực tiếp Hợp đồng ký kết	Hàng hóa chất lượng Chính sách bán hàng phù hợp	Nâng cao uy tín thương hiệu - sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt. Chính sách giá hợp lý - Cùng phát triển bền vững.
5. Đối tác, doanh nghiệp cùng ngành		Hội nghị Hợp đồng	Hợp tác phát triển . Cạnh tranh lành mạnh	Luôn là người bạn chân thành , hợp tác hoặc cạnh tranh theo phương châm cùng thắng (Win & Win)
6. Nhà cung ứng		Gặp trực tiếp Hợp đồng ký kết Tham quan thực tế	Doanh nghiệp phát triển Bạn hàng lâu dài Thanh toán tốt	Hợp đồng trách nhiệm rõ ràng - Yêu cầu về xã hội và môi trường - Thanh toán đúng hạn.
7. Người lao động		Hội nghị CNVC Các góp ý thường xuyên Bảng khảo sát Chương trình đào tạo	Thu nhập ổn định Công việc ổn định An toàn lao động Nâng cao tay nghề	Đào tạo theo nhu cầu 2 bên - nâng cao thu nhập - Tạo một cuộc sống chất lượng, đáng sống.
8. Truyền thông		Thông cáo báo chí Thu thập thông tin	Thông tin chính xác, minh bạch, kịp thời	Bảo đảm các thông tin luôn minh bạch, cập nhật hóa và trung thực.
9. Cộng đồng		Tiếp xúc trực tiếp Thông tin từ cộng đồng	Doanh nghiệp tham gia, đóng góp cho xã hội, cho địa phương theo khả năng.	Thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương - Hỗ trợ cộng đồng địa phương cách tốt nhất.
10. Chính phủ		Hội nghị, hội thảo Các tổ chức đoàn thể Các quy định chung hoặc riêng biệt	Tuân thủ quy định Thông tin minh bạch Doanh nghiệp phát triển	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế - Tuân thủ pháp luật - Đóng góp xây dựng chính phủ vì dân và vì xã hội.

6. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Môi trường (E)

a. Chỉ tiêu EA – Quản lý chất thải

EA.1 – Quản lý khí thải nhà kính

- Định kỳ 1 năm 1 lần, công ty đều đo đạc quan trắc môi trường lao động với các chỉ tiêu:
 - o Vi khí hậu : nhiệt độ (độ C); độ ẩm (%); tốc độ gió (m/s)
 - o Yếu tố vật lý : Ánh sáng (Lux); Tiếng ồn chung (dBA); Tiếng ồn phân tích theo dãy số (Hz)
 - o Yếu tố bụi : Bụi hô hấp không chứa silic (mg/m³)
 - o Yếu tố hóa học :Hơi khí CO, SO₂, NO₂ (mg/m³)
- Do đặc thù loại hình sản xuất của Công ty là sản xuất khăn giấy thơm, sản xuất bao bì nhựa, Công ty không sử dụng lò hơi. Bên cạnh đó Công ty không sử dụng máy phát điện, và không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải do vậy sẽ không phát thải khí tại nguồn.
- Kết quả lần đo đạc mới nhất ngày 11/10/2021

1. Vi khí hậu:

- Nhiệt độ: tất cả **07/07** mẫu đo nhiệt độ tại thời điểm kiểm tra đều đạt Tiêu chuẩn cho phép (TCCP) theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Độ ẩm: tất cả **07/07** mẫu đo độ ẩm đều đạt TCCP theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Tốc độ gió: Tất cả **07/07** mẫu đo vận tốc gió đều đạt TCCP theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

2. Ánh sáng:

- Tất cả **07/07** mẫu đo ánh sáng đều đạt Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (TCVSLĐ) cho phép theo QCVN 22:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

3. Tiếng ồn:

- Tiếng ồn chung: tất cả **07/07** mẫu đo tiếng ồn chung đều đạt TCVSLĐ cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Tiếng ồn phân tích dãy tần: Phân tích tại 05 vị trí, kết quả cho thấy tất cả vị trí tiếng ồn ở các dãy tần đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo QCVN 24:2016/BYT.

4. Bụi các loại:

- Tất cả **07/07** mẫu đo bụi hô hấp không chứa silic đều có kết quả đạt TCVSLĐ cho phép theo QCVN 02:2019/BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.

5. Hơi hóa học và khí độc:

- CO: Tất cả **03/03** mẫu đo CO tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo QCVN 03:2019/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 20\text{mg/m}^3$).
- SO₂: Tất cả **02/02** mẫu đo SO₂ tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo QCVN 03:2019/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 5\text{mg/m}^3$).
- NO₂: Tất cả **02/02** mẫu đo NO₂ tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo QCVN 03:2019/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 5\text{mg/m}^3$).
- Toluene: Tất cả **01/01** mẫu đo Toluene tại các vị trí đo đều đảm bảo theo QC 03:2019/TT-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

EA.2 - Về nước thải và chất thải

- Công ty đã ban hành chính sách bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa việc xả nước thải và chất thải gây ô nhiễm môi trường.

- Các phương án đang áp dụng: nhà máy sản xuất của công ty có 2 hệ thống thoát nước tách rời – 1 của nước thải sinh hoạt và 1 của nước mưa.
- Tại văn phòng nước thải chủ yếu là nước mưa và nước sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt sẽ được chứa bằng bể tự hoại, sau khi qua bể tự hoại sẽ được dẫn ra ống thoát nước chung.
- Tại khu vực sản xuất không phát sinh ra nước thải do sử dụng tuần hoàn nước để làm mát các hạt CaCO₃ và hạt tái sinh và đưa lại vào quá trình sản xuất.
- Nhắc nhở nhân viên tiết kiệm nước, giảm thiểu xả nước thải bằng cách giảm lượng nước sử dụng.
- Tổng lượng nước thải cả công ty là 87 m³/ngày.
- Định kỳ sẽ lấy mẫu nước thải để phân tích có đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.
- Kết quả phân tích ngày 11/10/2021:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn VN
1	pH ^(a,b)	-	6,21	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng SS ^(a,b)	mg/l	30	100
3	BOD ₅ (20° C) ^(a,b)	mg/l	27	50
4	COD ^(a,b)	mg/l	61	150
5	Tổng Nitơ ^(*)	mg/l	19,3	40
6	Tổng Photpho	mg/l	1,6	6
7	Amoni - N-NH ₄ ⁺	mg/l	7,4	10

- Chất thải rắn sinh hoạt & công nghiệp: thùng carton, giấy, màng & các chất thải khác trong quá trình sản xuất được chuyển giao cho Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM thu gom hàng ngày.

Tên chất thải thông thường	Số lượng (kg)/ năm
Chất thải rắn sinh hoạt	26.520
Khăn giấy lỗi	0
Tổng số	26.520

- Chất thải nguy hại: Công ty hiện sản xuất mặt hàng là khăn giấy thơm và bao bì nhựa, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ít. Công ty ALTA và công ty ALTA PLASTIC (công ty con 100% vốn của công ty ALTA) chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM xử lý vào ngày định kỳ với số lượng năm 2020 như sau:

Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Số lượng (kg)/ năm
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	7
Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), ghế lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	134
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	0
Bao bì mềm thải	18 01 01	1099
Tổng số		1240

- Giẻ lau dính mực in, dung môi đựng trong bao bì nhựa, chứa trong khu vực có mái che.
- Dầu, nhớt thải chứa trong thùng phuy, có nắp đậy.
- Bóng đèn huỳnh quang chứa trong thùng phuy. Bao bì mềm thải chứa trong thùng phuy.
- Đợt 1 vào ngày 30/06/2021

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/ khí)	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính mực in, dung môi	Rắn	15	18 02 01
2	Dầu, nhớt thải	Lỏng	0	17 02 03
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	5	16 01 06
4	Bao bì mềm thải	Rắn	106	18 01 01

- Đợt 2 vào ngày 04/10/2021

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/ khí)	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính mực in, dung môi	Rắn	119	18 02 01
2	Dầu, nhớt thải	Lỏng	0	17 02 03
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	2	16 01 06
4	Bao bì mềm thải	Rắn	993	18 01 01

- Hạn chế sử dụng các chế phẩm hóa học trong làm sạch môi trường và trong sản xuất.

EA.3 - Tổng chi phí cho các hoạt động xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

- Chi phí cho các hoạt động xử lý chất thải năm 2021 là 21.294.000 đồng

- Chi phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường năm 2021 là 19.200.000 đồng

b. Chỉ tiêu EB - Tuân thủ qui định

EB.1 - Việc tuân thủ các qui định về môi trường

- Công ty luôn tuân thủ các qui định của Luật bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/04/2015. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/04/2015.
- Các báo cáo cần thiết như: Báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2021; Báo cáo giám sát môi trường năm 2021... được gửi đến các đơn vị hữu quan: Chi cục bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng quản lý môi trường của HEPZA, Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình... theo đúng yêu cầu và thời hạn qui định.

EB.2 - Các khoản tiền phạt

- Công ty không có trường hợp vi phạm Luật bảo vệ môi trường.

c. Chỉ tiêu EC - Tác động của môi trường và hệ sinh thái

EC.1 – Các tác động của biến đổi khí hậu

- Ý thức các biến đổi khí hậu như hiệu ứng nhà kính, sự suy giảm ôzôn, đảo nhiệt đô thị ... đều có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, toàn bộ các hoạt động sản xuất của công ty đều tập trung vào Nhà máy tại Khu công nghiệp – tách rời với khu vực dân cư, với mật độ xây dựng không quá 50%, nhà xưởng thông thoáng, cây xanh bao quanh và trang bị vật liệu chống nóng.

EC.2 – Môi trường sống được bảo tồn

- Môi trường lao động an toàn và không có tác nhân gây nguy hại.

EC.3 – Giảm nhẹ tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, công ty luôn bảo đảm giảm thiểu tối đa tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ như: không sử dụng nguyên vật liệu độc hại, quản lý nghiêm định mức tiêu hao nguyên liệu vật tư và năng lượng. Giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm phát thải khí, giảm tiếng ồn và chất thải.

EC.4 – Tác động môi trường của việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu và người lao động.

- Tổng chi phí chi trả cho hoạt động vận chuyển năm 2021 là 2.976.233.580 đồng tăng 46.9% so với năm trước (2.026.102.501 đồng)

d. Chỉ tiêu ED - sử dụng và quản lý tài nguyên

ED.1 - Việc sử dụng tài nguyên và năng lượng

- Các chỉ tiêu đo lường việc sử dụng tài nguyên:
 - Tổng số điện tiêu thụ 3.233.811 Kwh
 - Tổng số nước tiêu thụ 4.424 m³/năm
 - Tổng số nhiên liệu sử dụng 10.127 lít
 - Tổng số nguyên vật liệu chính đưa vào sản xuất 4.300 tấn.
- Các hoạt động quản lý năng lượng

- Thiết bị điện như đèn chiếu sáng, điều hòa không khí, quạt... được thiết kế để tiết kiệm năng lượng được sử dụng trong văn phòng và nhà máy.
- Các cảm biến và tính giờ được sử dụng để tắt thiết bị điện không cần thiết trong khu vực liên tục sử dụng như phòng họp, khu vực lưu trữ và phòng làm việc.
- Khuyến khích nhân viên thực hiện tiết kiệm năng lượng, có bảng thông báo để nhắc nhở tắt đèn và máy điều hòa không khí.

ED.2 - Các hoạt động tái chế:

- Các chỉ tiêu về hoạt động tái chế
 - Đặc biệt, Tổng trọng lượng hạt nhựa tái sinh là 1.867.151 kg.
 - Tổng sản phẩm bao bì nhựa sử dụng hạt tái sinh 676.191 kg.
 - Bao bì giấy được sử dụng từ nguồn phế phẩm in.
 - Bao bì nhựa cho ấn phẩm được sử dụng từ nguồn phế phẩm nhựa.
- Công ty đã có chương trình Thu gom và tái chế túi ni-lông cũ đã qua sử dụng, kêu gọi mọi người mang túi ni-lông cũ để đổi các loại túi thân thiện môi trường, túi phân hủy sinh học, túi vải không dệt...nhằm tạo cho người tiêu dùng thói quen giảm sử dụng các loại túi ni-lông thông thường, chuyển sang dùng túi tự hủy để bảo vệ môi trường sống.
- Nhằm giảm rác thải ra ngoài môi trường Công ty đã tiến hành thu gom phế liệu từ các tổ sản xuất và các túi ni lông sạch từ khách hàng về tổ tái sinh nhằm tái chế lại thành các hạt nhựa. Tại nơi sản xuất: Thu hồi phế liệu từ quá trình thổi, quá trình cắt... bị lỗi về tổ tái sinh. Đối với người tiêu dùng: Tiến hành đổi số lượng không hạn chế túi ni lông đã được làm sạch để lấy túi ni lông mới và chuyển túi ni lông của người tiêu dùng về tổ Tái sinh. Đối với khách hàng mua sản phẩm túi ni lông phân hủy sinh học ALTA: khi túi tới thời gian chuẩn bị phân hủy mà khách hàng chưa sử dụng hết, công ty sẽ thu hồi lại từ khách hàng.
- Phương pháp tái chế: Túi ni lông được thu hồi từ các nguồn nói trên sẽ được tập kết tại khu vực tổ Tái Sinh của Công ty để tái chế thành hạt nhựa tái sinh.

e. Chỉ tiêu EE - Lựa chọn nhà cung ứng

EE.1 – Lựa chọn nhà cung ứng

- Công ty đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng theo hướng thân thiện môi trường theo các tiêu chí
 - Công nghệ hiện đại không gây ô nhiễm môi trường.
 - Môi trường lao động tốt.
 - Nguyên liệu cung cấp không gây hại cho sản phẩm và người tiêu dùng.

7. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Xã hội (S)

a. Chỉ tiêu SA – Sản phẩm, dịch vụ đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng

SA.1 – Sản phẩm và dịch vụ

- Công ty đã ban hành các qui trình ISO trong sản xuất sản phẩm, trong cung cấp dịch vụ để bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
- Sản phẩm bao bì nhựa của công ty đạt tiêu chuẩn BRC - BRC là tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC) thiết lập vào năm 1998, thích hợp cho việc kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Do đó trong năm 2020 công ty không có sản phẩm bị trả về vì lý do ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của khách hàng.
- Công ty đã được cấp :
Giấy chứng nhận TCVN ISO 9001:2015.
Giấy chứng nhận TCVN ISO/IEC 27001:2013
Giấy chứng nhận TCVN iso 45001:2018
Giấy chứng nhận ISO 13485:2016

b. Chỉ tiêu SB – Nguyên tắc sử dụng lao động

SB.1 – Tuyển dụng lao động

- Phương pháp tiếp cận để tuyển dụng lao động:
 - o Tuyển dụng từ nguồn lao động dự trữ - thông báo tuyển lao động tại chỗ cho công việc khác.
 - o Thông báo tuyển nhân sự tại khu vực, địa phương.
 - o Đưa ra các khoản thưởng khuyến khích nhân viên trong Công ty giới thiệu nhân viên sản xuất.
 - o Liên hệ với các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn nhận sinh viên thực tập và tuyển dụng sinh viên mới ra trường nhằm trẻ hóa đội ngũ lao động của công ty.
 - o Chủ động tuyển dụng thông qua mạng online và các trang web tuyển dụng: timviecnhanh.com, chotot.com, muaban.net,....
- Các tiêu chí tuyển dụng: tay nghề, đạo đức, tư cách, trình độ, sự trung thực, lòng nhiệt thành, sự phù hợp với công việc...
- Một số ưu tiên tuyển dụng: người địa phương, dân tộc thiểu số, trẻ tuổi, kinh nghiệm chuyên môn, người được nhân viên hoặc cổ đông giới thiệu...
- Bảng khảo sát tỷ lệ người lao động tại công ty năm 2021

Các chỉ tiêu	Nhóm tuổi		Giới tính		Khu vực	
	Dưới 30	Trên 30	Nam	Nữ	Tp. HCM	Khác
Tuyển mới	21	13	22	12	9	25
Cấp quản lý (Từ Tổ trưởng trở lên...)		1	1			1
Tổng số Người lao động	76	68	104	30	33	111

SB.2 – Phòng chống lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

- Công ty kiên quyết không sử dụng lao động trẻ em và không chấp nhận bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong hoạt động của mình. Nếu phát hiện việc sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức tại đơn vị / bộ phận nào thì cấp quản lý sẽ bị buộc thôi việc.

SB.3 – Sức khỏe và an toàn lao động

- Công ty ban hành đầy đủ các qui định về An toàn lao động - Vệ sinh lao động - Nội quy lao động cho Người lao động.
 - o Thiết lập các chính sách và hướng dẫn để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người lao động tại nơi làm việc. Tổ chức huấn luyện đào tạo định kỳ về An toàn LĐ - Vệ sinh LĐ - Nội quy LĐ cho Người lao động.
 - o Công ty có trách nhiệm cung cấp trang bị đầy đủ về Hệ thống PCCC và các dụng cụ Bảo Hộ Lao Động phù hợp theo yêu cầu từng loại công việc (như quần áo, găng tay, giày dép, nón mũ...).
 - o Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
 - o Có đầy đủ các văn bản hướng dẫn về An toàn LĐ - Vệ sinh LĐ - Nội quy LĐ cho Người lao động làm việc tại các máy móc, thiết bị ở khu vực sản xuất hay tại các khu vực có khả năng xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ.
 - o Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho Người lao động ít nhất 01 lần trong năm.
 - o Phải khắc phục ngay các nguy cơ không an toàn trong sản xuất - kinh doanh khi đã được báo cáo những trục trặc về máy móc thiết bị ở nơi làm việc có thể gây ra tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp cho Người lao động.
 - o Bảo đảm tuân thủ các qui định ưu tiên cho lao động nữ.

SB.4 – Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Trong năm công ty đã có 10 đợt đào tạo cho tổng số 361 lượt người lao động bao gồm cả các cấp quản lý.

Nội dung đào tạo:

- Luật BHXH, Luật lao động
 - Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động
 - Đào tạo ISO căn bản 9001-2015 cho tất cả nhân viên mới
 - Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ theo 3 tiêu chuẩn ISO 9001 – 2015; 27001:2013; 45001:2018
 - Đào tạo nhận thức theo 3 tiêu chuẩn ISO cho người lao động
 - Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động
 - Diễn tập phương án PCCC, kết hợp sử dụng các phương tiện công cụ PCCC, cứu nạn cứu hộ 2021
 - Đào tạo nhân viên lắp ráp và vận hành POD
 - Đào tạo kỹ năng đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 13485:2016
 - Triển khai sử dụng phần mềm VSSID – Bảo hiểm xã hội số
- Toàn bộ chi phí của các khóa đào tạo trên do công ty chi trả.
 - Tỷ lệ tổng số người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chuyên môn là 100%.
 - Tỷ lệ tổng số người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chuyên môn là 85%.

SB.5 – Lương thưởng

- Tiền lương
 - o Công ty và Người lao động cùng thỏa thuận trong Hợp đồng lao động về Tiền lương hàng tháng của Người lao động căn cứ vào yêu cầu - hiệu quả - chất lượng theo Bảng Mô tả công việc, song tiền lương trả Người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước qui định. (Mức lương tối thiểu của Vùng 1 năm 2018 là 3.980.000đ, Năm 2019 là 4.180.000đ, Năm 2020, 2021 là: 4.420.000đ)
 - o Người lao động có quyền được biết rõ các khoản trong lương thực lãnh cùng lý do khấu trừ vào lương (nếu có).
 - o Người sử dụng lao động được nâng bậc lương theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.
- Khen thưởng
 - o Công ty thực hiện chế độ xét khen thưởng thi đua đối với Người lao động theo Quy chế thi đua và khen thưởng của Công ty đã qui định và ban hành hoặc xét thưởng thành tích dựa trên kết quả hoàn thành chỉ số KPI.
 - o Ngoài ra Người lao động có thể được khen và lĩnh thưởng đặc biệt hay đột xuất đối với trường hợp có thành tích xuất sắc và có sáng kiến, sáng tạo khoa học, tiết kiệm trong công tác hoặc trong lao động sản xuất có hiệu quả cao, làm lợi cho Công ty.
- Các tỷ lệ về lương và khen thưởng

- o Mức thu nhập bình quân qua các năm:

TT	Năm	Mức lương bình quân
1	2012	4.012.570
2	2013	4.185.806
3	2014	5.449.524
4	2015	6.323.392
5	2016	7.082.200
6	2017	7.940.000
7	2018	8.314.000
8	2019	8.650.000
9	2020	8.260.000
10	2021	9.290.000

SB.6 – Lao động thuê từ cộng đồng địa phương

- Công ty ưu tiên tuyển nhân lực tại địa bàn hoạt động bằng các chính sách
 - Thông báo tuyển dụng được gửi đến các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn để tuyển dụng sinh viên mới ra trường.
 - Đưa ra các khoản thưởng khuyến khích nhân viên trong Công ty giới thiệu nhân viên sản xuất.
 - Dán thông báo tuyển dụng tại cổng Công ty.
 - Tỷ lệ tuyển dụng tại địa phương năm 2020 là 42% năm 2021 là 80,1%.

SB.7 Phúc lợi dành cho người lao động

- o Quỹ phúc lợi : Quỹ phúc lợi là một phần thu nhập được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lại cho BGD Công ty sử dụng nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân viên lao động Công ty.

- Quỹ phúc lợi bao gồm: Quỹ Công đoàn dùng để chi hỗ trợ thực hiện các hoạt động Văn hóa Thể thao của các Đoàn thể và các hoạt động phúc lợi tập thể cho Người lao động như: hiếu, hỷ, ma chay, ốm đau.
- Tặng quà hoặc tiền vào các ngày Lễ: Quốc tế Phụ nữ 8/3 (quà cho Phụ nữ). Tết Trung thu Quốc tế Thiếu nhi 1/6 (quà cho con người lao động từ 15 tuổi trở xuống). Ngày 22/12 thành lập Quân đội nhân dân (quà cho Bộ đội xuất ngũ).
- Ban Giám Đốc Công ty cùng Công Đoàn thực hiện việc thăm hỏi, chăm sóc sức khỏe Người lao động làm việc tại Công ty. Trường hợp người lao động tham gia công đoàn thì thực hiện như sau:
- Quỹ Phúc lợi: dùng để chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của Người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn
- Tổ chức chúc mừng sinh nhật tập thể cho NLD sinh trong cùng tháng và tặng quà sinh nhật cho NLD làm việc 1 năm trở lên.
- Tặng quà hoặc tiền vào ngày Tết Nguyên đán (quà cho tất cả Người lao động).
- Tổ chức tham quan nghỉ mát cho Người lao động theo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng Đơn vị/Bộ phận và tùy thuộc khả năng quỹ phúc lợi trong năm.
- Ban Giám Đốc Công ty hỗ trợ Trợ cấp khó khăn cho Người lao động khi Ban Chấp Hành Công Đoàn Công ty có đề nghị hợp lý.
- Thưởng vào các ngày lễ lớn như: Tết dương lịch (01/01), lễ 30/4 và 01/05, lễ Quốc khánh 02/09 nhằm khuyến khích tinh thần làm việc cho nhân viên.
- Tặng quà sinh nhật bằng tiền cho Người lao động làm việc tại Công ty đủ 1 năm trở lên.
- Hỗ trợ thực hiện các hoạt động phong trào Văn hóa Thể Thao Cộng đồng theo kế hoạch cụ thể.
- Hỗ trợ Người lao động bị CoVid-19.

c. Chỉ tiêu SC – Kinh tế

SC.1 – Giá trị kinh tế được tạo ra và phân phối

- Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra :

Doanh thu 222,964,375,950 đồng

- Giá trị kinh tế được phân phối

• Chi phí hoạt động	139.359.668.397 đồng
• Lương	46.846.883.263 đồng
• Khen thưởng và phúc lợi	68.600.000 đồng
• Các khoản thanh toán cổ đông	3.991.176.700 đồng
• Các khoản thuế phải nộp	13.848.976.483 đồng

- Giá trị kinh tế được tích lũy 5.260.993.498 đồng

SC.2 – Hỗ trợ tài chính từ Chính phủ

- Năm 2021, công ty không có khoản nào được hỗ trợ tài chính từ chính phủ...

d. Chỉ tiêu SD – Chuỗi cung ứng

SD.1 – Các nhà cung cấp địa phương

- Công ty có chính sách ưu tiên sử dụng các nhà cung cấp địa phương tại khu vực TP.HCM.
- Tỷ lệ sản phẩm và dịch vụ đã mua tại địa phương trên tổng chi phí là: 100 %.

- Tỷ lệ các nhà cung cấp địa phương trên tổng số nhà cung cấp là 100%.

SD.2 - Chuỗi cung ứng

- Ưu tiên mua các sản phẩm và vật liệu đòi hỏi ít vận chuyển, đóng gói và lưu trữ và có thể tăng cường các mối quan hệ cộng đồng và thiện chí địa phương.
- Các sản phẩm mua với số lượng lớn và với ít bao bì để giảm đóng gói, bảo quản, vận chuyển và chi phí xử lý.
- Hàng năm bộ phận mua hàng của công ty phải tham quan, xem xét các nhà cung ứng để bảo đảm không có lao động bất hợp pháp cũng như các vấn đề xã hội trong chuỗi cung ứng.
- Ngoài ra công ty cũng ưu tiên lựa chọn nhà cung ứng thân thiện với môi trường, xã hội và cộng đồng.

e. Chỉ tiêu SE – Tác động đến cộng đồng và xã hội

SE.1 – Các chương trình phát triển cộng đồng

Công ty luôn tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển cộng đồng trong thời gian qua như:

- o Chăm sóc, giúp đỡ một thương binh nặng tại địa phương.
- o Tham gia các chương trình giảm thiểu sử dụng túi ni lông tại thành phố HCM.
- o Tham gia các ngày hội tái chế của các quận huyện tổ chức...

SE.2 - Các dự án, cơ sở hoạt động có tác động tiêu cực với xã hội và cộng đồng

Công ty không có các dự án hoặc cơ sở hoạt động nào có tác động tiêu cực với xã hội và cộng đồng.

f. Chỉ tiêu SF – Tuân thủ quy định

SF.1 – Tuân thủ các quy định về ảnh hưởng cộng đồng và xã hội

- Ý thức trách nhiệm của mình, công ty quan tâm hàng đầu đến việc tuân thủ các quy định về ảnh hưởng môi trường, cộng đồng và xã hội.
- Trong năm qua công ty không có trường hợp nào mà bên thứ ba khiếu nại và yêu cầu bồi thường.

SF.2 – Các khoản tiền phạt

- Năm hoạt động vừa qua công ty không có khoản tiền phạt nào vì không tuân thủ pháp luật và các quy định về cộng đồng và xã hội.

8. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Quản trị công ty (G)

a. Chỉ tiêu GA – HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

GA.1 – HĐQT

- Công ty đã ban hành các văn bản quy định để thể chế hóa hoạt động vận doanh của công ty.
 - o Điều lệ công ty
 - o Quy chế quản trị công ty
 - o Quy chế tổ chức
 - o Quy chế HĐQT, BKS
 - o Trong quy chế HĐQT có quy định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, thù lao của HĐQT.

- Qui chế tài chính
- Chuyên môn và kỹ năng của các thành viên HĐQT phù hợp với trách nhiệm được phân công.
- HĐQT đã họp tổng số 8 cuộc họp trong năm.
- Tỷ lệ thành viên độc lập là 40%.
- Tổng giá trị các khoản thù lao của HĐQT là 120.000.000 đồng.

GA.2 – Ban kiểm soát

- Trong qui chế BKS có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, thù lao của BKS.
- BKS áp dụng các tiêu chí sau để đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH
 - Tình hình thực hiện kế hoạch.
 - Kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Các chỉ tiêu khác như: lao động, tiền lương, các khoản bảo hiểm, thu nhập, quản trị điều hành, quản trị tài chính...
- BKS đã họp tổng số 04 cuộc họp trong năm.
- BKS có một thành viên là Luật sư và một Kế toán.

GA.3 Ban Điều hành

- Trong qui chế tổ chức có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, chính sách lương thưởng của BDH..
- Hàng năm năm một lần HĐQT trình đại hội cổ đông định hướng phát triển công ty trung và dài hạn của công ty.
- Tổng giá trị các khoản lương , thưởng của BDH năm 2021 là 1.148.769.900 đồng

b. Chỉ tiêu GB – Quản trị rủi ro

GB.1 – Quản trị rủi ro

- Công ty luôn nhận diện và xác định các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động như: rủi ro về tỷ giá, lãi suất vay ngân hàng, rủi ro về sự thay đổi của pháp luật, rủi ro bất khả kháng.
- Hàng năm HĐQT công ty trong báo cáo hoạt động quản trị luôn dự báo về những rủi ro cũng như các trường hợp hi hữu có thể xảy ra và đưa ra các giải pháp phòng chống tích cực.
- Hoạt động khắc phục và phòng ngừa luôn được thực hiện và kiểm soát tốt suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Các thành viên HĐQT và BDH đã tham gia các khóa học cũng như hội thảo về Quản trị rủi ro.

c. Chỉ tiêu GC – CBTT và minh bạch

GC.1 - CBTT và minh bạch

- Công ty tuân thủ các qui định về công bố thông tin định kỳ và bất thường, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời và minh bạch đến cổ đông và các nhà đầu tư.
- Tất cả báo cáo tài chính cũng như công bố thông tin đều được cập nhật trên trang thông tin điện tử www.alta.com.vn .

- Năm 2021, công ty không có vi phạm về công bố thông tin.

d. Chỉ tiêu GD – Cổ đông

GD.1 – Quyền cổ đông và đối xử bình đẳng đối với cổ đông

- Công ty luôn bảo vệ quyền của tất cả các cổ đông, bảo đảm đối xử bình đẳng với các cổ đông lớn & nhỏ, cá nhân & pháp nhân, trong nước & nước ngoài...thông qua các chỉ tiêu đánh giá như sau:
 - o Chi trả đầy đủ cổ tức năm 2020 vào ngày 12/10/2021
 - o Số ngày từ lúc chốt sổ cổ đông được nhận cổ tức đến ngày nhận cổ tức là 18 ngày.
 - o Bản báo cáo tài chính năm luôn được công bố bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
- Số lượng cổ đông lớn và tỷ lệ nắm giữ đã được trình bày chi tiết ở phần trên của báo cáo thường niên.

e. Chỉ tiêu GE – Sản phẩm và dịch vụ

GE.1 – Chất lượng sản phẩm và dịch vụ

- Chính sách chất lượng của công ty về bảo đảm chất lượng sản phẩm đã nêu rõ:
 - o Xây dựng – duy trì và liên tục cải tiến hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Cam kết tạo ra sản phẩm chất lượng bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
 - o Kiểm soát nghiêm túc các quy trình sản xuất và dịch vụ để gia tăng uy tín thương hiệu và bảo đảm hiệu quả vận doanh.
- Từ ngày thành lập đến nay công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư các sản phẩm mang lại những tác động tích cực cho khách hàng, môi trường và cộng đồng như: khăn giấy ướt thơm Luxta sử dụng một lần, bao bì tự phân hủy, bao bì Alta thân thiện môi trường, túi xách non woven, túi rác thơm khử trùng Oxo, tấm trải đa năng Neat bảo vệ môi trường, GEL diệt khuẩn.
- Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm và dịch vụ:
 - o 100% tỷ lệ danh mục sản phẩm và dịch vụ được đánh giá về chất lượng và độ an toàn trước khi đến tay khách hàng.
 - o Các sản phẩm như khăn giấy, bao bì... đều được test chất lượng về hàm lượng kim loại..
 - o Các loại bao bì tiếp xúc với thực phẩm đều có giấy chứng nhận an toàn khi tiếp xúc với thực phẩm của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Tp. HCM.
 - o Các dịch vụ giải trí của công ty luôn bảo đảm Phòng cháy chữa cháy, kiểm tra độ an toàn và khách tham gia đều có bảo hiểm rủi ro.
- Trong năm công ty không có vụ việc nào vi phạm, bị khiếu nại hoặc bị phạt về tác động không tốt của sản phẩm đến khách hàng, môi trường

GE.2 – Thông tin tiếp thị của sản phẩm và dịch vụ

- Các thông tin về công năng, chất lượng, hướng dẫn và hạn sử dụng đều được công bố trên bao bì của sản phẩm.
- Trên bao bì của sản phẩm còn có logo được Cục Môi trường cấp phép cũng như dấu hiệu tái chế sản phẩm.

f. Chỉ tiêu GF – Tuân thủ các quy định

GF.1 – Tuân thủ các quy định về phòng chống hối lộ, tham nhũng và rửa tiền

- Công ty yêu cầu tất cả các thành viên đều phải ký cam kết về việc tuân thủ quy tắc ứng xử trong kinh doanh, giao dịch như sau:
 - o Cam kết không nhận các khoản hoa hồng, chiết khấu của Khách hàng, Đối tác và Nhà cung cấp... dưới bất kỳ hình thức nào.
 - o Tuyệt đối không lạm dụng chức vụ, quyền hạn; có hành vi tiêu cực, thiên vị, móc ngoặc với Khách hàng, Nhà cung cấp, các Đối tác kinh doanh...nhằm mang lợi ích cho cá nhân.
 - o Không được sử dụng bất kỳ quyền đại diện nào mà bản thân có được trong thời gian làm việc tại Công ty vào các mục đích đem lại lợi ích cho cá nhân hoặc cho người/ tổ chức khác dẫn đến thiệt hại cho Công ty, Đối tác, Khách hàng của Công ty.

GF.2 – Các vụ tham nhũng và các biện pháp đã triển khai

- Công ty không chấp nhận mọi trường hợp tham nhũng, hối lộ và rửa tiền. Mọi cá nhân và tập thể vi phạm đều bị kỷ luật và xử lý.

GF.3 – Cạnh tranh lành mạnh

- Công ty không sử dụng các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh trên thương trường, tuyệt đối không sử dụng giá thấp không hợp lý để tranh giành khách hàng.
- Tiêu chí cạnh tranh của công ty là sản phẩm phải khác biệt và chất lượng hơn.

GF.4 – Các khoản tiền phạt.

- Trong năm công ty không có vi phạm cũng như các khoản phạt nào liên quan đến việc không tuân thủ luật pháp và qui định về quản trị.